**Bài 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

(12 tiết)

A. MỤC TÊU CHỦ ĐỀ  I. Về năng lực:

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ (Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh  
hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi).

- Năng lực giao tiếp (Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp).

II. Phẩm chất

Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm. (Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền)

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

- Tranh, video liên quan đến nội dung văn bản truyện.

- Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ:**

**Hoạt động 1: *Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn:***

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

Trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

|  |  |
| --- | --- |
| Ảnh đẹp con đường gốm sứ Hà Nội | https://tse3.mm.bing.net/th?id=OIP._eiRotJ9boO9XF3pgDo3ogHaE8&pid=Api&P=0&w=247&h=164 |
| https://nemtv.vn/wp-content/uploads/2019/03/cau-vang-da-nang-nemtv-04.jpg | https://media.ohay.tv/v1/content/wp-content/uploads/2014/07/sai-gon-hoa-le2.jpg |

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Bức tranh 1: Con đường gốm sứ của Hà Nội

- Bức tranh 2: Cầu Tràng Tiền, sông Hương xứ Huế

- Bức tranh 3: Cầu Vàng Đà Nẵng

- Bức tranh 4: Thành Phố Hồ Chí Minh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV** tổ chức trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

- Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK.

- GV chiếu yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.

- Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:** HS quan sát 4 bức tranh, trả lời câu hỏi của GV.

- Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.

- Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.

**GV:**

- Quan sát và lắng nghe.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ( câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

***Giáo viên dẫn:***

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

Mỗi vùng miền cỏ thể được ví như một mảnh ghép làm nên bửc tranh muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng.

Trong bài học này, những trang tuỳ bút, tản văn… sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu qua chủ đề 5: ***Sắc màu cuộc sống.***

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

**Hoạt động 2: *Hình thành kiến thức mới***

**PHẦN 1: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Văn bản (1)**

**THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**(Trích, Vũ Bằng)**

(2 tiết)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

1. **Năng lực:**

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút.

+ Bài tuỳ bút thể hiện dòng cảm xúc của một người con xa quê hồi nhớ mùa xuân của Hà Nội thân yêu. Cái tôi tác giả được thể hiện thông qua các yếu tố như hoàn cảnh sáng tác, những rung động tâm hồn, cách cảm, cách nhìn về khung cảnh mùa xuân.

+ Lời văn cúa bài tuỳ bút giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ, từ ngữ biểu cảm.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tuỳ bút biểu lộ tình yêu, sự gắn bó tha thiết với quê hương, gia đình của tác giả. Qua những rung động tinh tế của một tâm hồn nhạy cảm, sức sống con người và hương sắc đất trời Hà Nội - miền Bắc vào tháng Giêng hiện lên như một sự khởi đầu cho dòng hồi tưởng (với mỗi tháng là một khung cảnh, câu chuyện), “sống lại” với quá khứ đầy thương nhớ.

**2. Phẩm chất:**

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, máy chiếu

- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Định hướng học sinh vào nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:

**c) Sản phẩm:** *câu trả lời của học sinh*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  1. Những bài hát, tranh, ảnh về mùa xuân;  2. Điều em thích nhất ở mùa xuân.  GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn, tranh, ảnh, nghe một bài hát,... về mùa xuân. GV có thể giới thiệu sơ lược những tín hiệu thẩm mĩ trong bức tranh Chợ hoa đào ở SHS, trang 108 (không khí của Hà Nội khi xuân về, trang phục của phụ nữ,...).  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước.  **Bước 3. Thảo luận, báo cáo**  HS trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học.  *Mùa xuân về làm khơi dậy sức sống trong lòng mỗi người, làm bừng dậy lòng yêu đời, khát khao mãnh liệt về sự sống và tình yêu thương. Vậy trong tâm tưởng của nhà văn Vũ Bằng- người con xa quê thì mùa xuân quê hương mang những nét đẹp nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.* … | ***1. Những bài hát, tranh, ảnh về*** mùa xuân: học sinh có thể sưu tầm tên bài hát, tranh ảnh...;  ***2. Điều em thích nhất ở mùa xuân:*** thời tiết, không khí, chợ xuân, ngày Tết... |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức(khoảng 30 phút)**

**a) Mục tiêu**

***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm***

***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại***

***Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản***

***Nhiệm vụ 4: Tổng kết***

**b) Nội dung**

***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm***

HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “ Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “*Thương nhớ Mười Hai*”.

***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại***

Yêu cầu HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tìnhvà ngôn ngữ **của bài tuỳ bút**

***Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản***

- Nội dung 1: Tìm hiểu không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội và không gian gia đình (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng)

- Nội dung 2: Tìm hiểu sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.

- Nội dung 3: Tìm hiểu dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động của lời văn tới người đọc

***Nhiệm vụ 4: Tổng kết***

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân** | |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) |  |
| - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình. |  |
| - Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình. |  |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân** | |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân. |  |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân. |  |
| - Nhận xét về sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân. |  |

**Phiếu học tập số 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc** | |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| Tác giả đã triển khai bài tuỳ bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân’’ như thế nào? |  |
| Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*. Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết? |  |
| Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tuỳ bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó cùa lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc? |  |

**c) Sản phẩm:**

- Nội dung 1: HS chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tìnhvà ngôn ngữ **của bài tuỳ bút**

- Nội dung 2:

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) | - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng: *mưa riêu riêu; gió lảnh lạnh; tiếng nhạn kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lấy lội nữa; cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa;...*  - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng sau rằm tháng Giêng: *đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác; mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nến trời trong có những làn sáng hổng;...* Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng Giêng trong cái rét ngọt đầu năm được miêu tả giàu sức gợi: *đêm xanh biêng biếc, có mưa dầy, nhìn rõ từng cánh sếu bay, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc.* |
| - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình. | *nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đếm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên, bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh...* |
| - Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình. | - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân. | - Sức sống của thiên nhiên: *rạo rực nhựa sống trong cảnh mai, gốc đảo. chổi mận ở ngoải vườn; đồi núi chuyền mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;...* |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân. | - Sức sống của con người*: nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống; nhựa sổng ở trong người căng lên; tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thèm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa;...* |
| Nêu nhận xét:  - Tác động của mùa xuân tới thiên nhiên, con người  - Cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến. | - Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiênnhiwwn và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.  - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,... |

- Nội dung 3:

**Phiếu học tập số 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| Tác giả đã triển khai bài tuỳ bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân’’ như thế nào? | - Đầu tiên, tác giả khẳng định: “ai cũng chuộng mùa xuân’’  - Từ chủ đề này, tác giả đi tìm kiếm “lí lẽ” và “dẫn chứng” để chứng minh lời khẳng định trên. |
| Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thân thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*. Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết? | **- Cuộc sống:** tác giả xa quê hương mùa xuân quê hương rất ý nghĩa với riêng người viết (đem đến những đổi thay kì diệu);  - Cách viết “mùa xuân của Hà Nội thân yêu” cho thấy sự gắn bó sâu nặng và nỗi nhớ, tình yêu của tác giả - người con xa quê - với quê nhà. |
| Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tuỳ bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó cùa lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc? | ***Ví dụ:*** Với các câu văn*: ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ!; Ấy đấy, cái mùa xuân thẩn thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy; Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến*…  HS có thể có những cách cảm nhận khác nhau. |

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm***  **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Vũ Bằng và văn bản “ Tháng Giêng mơ về trăng non rét ngọt” trích tác phẩm “*Thương nhớ Mười Hai*”.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS thực hiện dự án tìm hiểu về tác giả, văn bản.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ. **GV** điều hành phần trình bày.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  **HS** trình bày theo nhóm.  **Bước 4: Kết luận:**  **GV** chốt kiến thức trên máy chiếu  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mã thể loại:**  **a) Mục tiêu**  HS bước đầu chỉ ra được đề tài, phương thức biểu đạt, tính chất trữ tìnhvà ngôn ngữ **của bài tuỳ bút**  **b) Nội dung**  *(b1) Chuẩn bị để trình bày về bài làm của mình trước lớp.*  *(b2) Lắng nghe phần trình bày của các bạn khác, ghi lại những nội dung bạn có kết quả khác với em và tìm nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau đó.*  **c) Sản phẩm:** ***HS*** *ghi lại được những nội dung mà các bạn khác có kết quả khác với mình, đưa ra nhận định kết quả nào đúng và giải thích tại sao. Ví dụ:*  - Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tuy nhiên, một số bạn khác lại xác định đó là nghị luận, tự sự... Cho biết vì sao em chọn biểu cảm ( hay nghị luận, tự sự…)  **d) Tổ chức thực hiện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Một số **HS** trình bày về bài làm của mình khi được **GV** chỉ định. Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ (b2). **GV** điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV** nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu **HS** thảo luận các nội dung sau đây:  *Làm thế nào để các em có thể nhận biết được PTBĐ chính của văn bản ?*  **Hết tiết 1**  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản:**  **Nội dung 1: *Không gian mùa xuân và không gian gia đình trước mùa xuân***  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình.  **b) Nội dung**:  - GV Tổ chức cho HS HĐ nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tổ chức cho HS HĐ nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 1 (5 phút)  - Phát phiếu  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **(phiếu bài tập số 1)**.  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 3 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập chung.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện các nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  - GV có thể đặt thêm những cầu hỏi phụ (chia nhỏ các ý) để HS lần lượt khám phá không gian Hà Nội - miến Bắc vào mùa xuân (Ví dụ: Em hình dung “mưa riêu riêu” là mưa như thế nào? Em cảm nhận “gió lành lạnh” khác gió lạnh như thế nào? Thử tưởng tượng “tiếng nhạn kêu trong đêm xanh”. Em đã bao giờ nghe tiếng trống chèo?...).  - GV có thể nêu những cầu hỏi phụ, gợi ý HS tìm từ ngữ diễn tả một cách tinh tế bước chuyển đổi của thiên nhiên (Ví dụ: *Nhà văn cảm nhận sự thay đổi của thiên nhiên qua những đối tượng nào? Em có nhận xét gì về những từ ngữ như “hơi phai”, “mùi hương man mác”, “vệt xanh tươi”, “làn sáng hồng”,...? Em hình dung thế nào về “đêm xanh biêng biếc”? Tại sao trong đêm vẫn thấy được từng cánh sếu bay?...).*  - GV đặt cầu hỏi phụ để gợi ý HS cảm nhận không gian gia đình *(Ví dụ: Khi mùa xuân đên, bầu không khí gia đinh được miêu tả như thê nào? Cuộc sống êm đềm thường nhật được thể hiện qua những nét sinh hoạt nào của gia đình?...).*  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn nội dung tiếp theo  *GV : Qua việc hồi tưởng vế những điều có thực trong không gian Hà Nội vào mùa xuân mà mình đã từng trải nghiệm, tác giả đã bộc lộ những cảm nhận tinh tế, tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết với quê hương, gia đình. Đây cũng chính là một trong những nét đặc trưng của thể loại tuỳ bút.*  **Nội dung 2: *Tìm được những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy trước mùa xuân.***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 2)**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Một số **HS** trình bày về bài làm của mình khi được **GV** chỉ định. Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ. **GV** điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV** nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu **HS** thảo luận các nội dung sau đây:  GV có thể đưa ra những cầu hỏi có tính chất gợi mở như: *Cảm giác của con người có dễ nhận biết không? Làm thế nào để cho người khác cảm thấy được những cảm giác đó của mình?...* Sau khi HS đưa những nhận xét về cách tác giả diễn tả cảm giác, GV hướng HS kết nối VB đọc với tri thức ngữ văn, chỉ ra ngôn ngữ bài tuỳ bút này rất giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi. Hình ảnh được sử dụng trong tuỳ bút chủ yếu là để diễn tả nội dung cảm xúc.  GV khơi gợi để HS chú ý hai cách diễn tả thế giới tâm hổn của nhà văn: cách diễn tả cảm giác bằng hình ảnh và cách diễn tả trực tiếp tình cảm (qua các cách diễn đạt bằng từ ngữ thể hiện tình cảm như “tôi yêu”, “muốn yêu thương”, “thèm khát yêu thương”). Việc diễn tả thế giới tâm hổn, cảm xúc tạo nên đặc trưng trữ tình của tuỳ bút.  **Bước 4: Kết luận và nhận định:**  **Giáo viên chốt sau khi lắng nghe ý kiến thảo luận của HS.**    **Nội dung 3: *Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung (phiếu bài tập số 3)**.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** Một số **HS** trình bày về bài làm của mình khi được **GV** chỉ định. Các **HS** khác thực hiện nhiệm vụ. **GV** điều hành phần trình bày, đặt thêm câu hỏi để làm rõ sự giống và khác nhau trong mỗi bài.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận: GV** nhận xét sơ lược về sự giống nhau và khác nhau trong bài làm của cả lớp; có thể chọn một vài HS báo cáo/ giải thích kết quả bài làm (dựa vào những gì các em đã nộp để chọn HS theo ý đồ); yêu cầu **HS** thảo luận các nội dung sau đây:  - Những câu văn nào giống như lời nói thường, như là nhà văn đang chuyện trò với ai đó?  - Những câu có chứa lời hô gọi làm cho người đọc có ấn tượng như thế nào?  - Khoảng cách người viết và người đọc sẽ thế nào khi tác giả viết những câu như vậy?...  **Bước 4: Kết luận và nhận định:**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs.  **Nhiệm vụ 3: *Tổng kết***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  **HS** cáo kết quả, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo  **Bước 4: Kết luận và nhận định:**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của hs. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  Vũ Bằng (1913-1984) sinh ra ở Hà Nội, có sở trường về truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí.  - Tuỳ bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: Miếng ngon Hà Nội (1960), Món lạ miền Nam (1969), Thương nhớ Mười Hai (1972),.„  **2. Tác phẩm**  *Thương nhớ Mười Hai* được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bẳc… *Thương nhớ Mười Hai có* 13 bài tuỳ bút, góm 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài vé Tết. Bài *Tháng Giêng, mơ vể trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên của tập tuỳ bút.  **II. Tìm hiểu văn bản:**  ***1. Mã thể loại:***  - Đề tài: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm  - Tính chất trữ tình: mạch cảm xúc được khơi dậy từ những ấn tượng vể không gian Hà Nội - miền Bắc trong nỗi hoài nhớ của tác giả.  - Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi.  ***2. Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân:***    ***Nhận xét:***  - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết  ***3. Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân:***  - Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.  - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...  ***4. Dấu ấn cá nhân của tác giả và sự tác động tới người đọc:***  - Hình bóng cái tôi tác giả được thể hiện khá rõ trong bài tuỳ bút này.  - Từ đó khơi gợi tình cảm, sự gần gũi, đồng cảm của người đọc  **III. Tổng kết văn bản:**  **1. Nghệ thuật**  Lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc  Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá…  **2. Nội dung**  - Tình yêu quê hương da diết của tác giả  - Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa  - Truyền cho người đọc tình yêu đối vói thiên nhiên, mùa xuân, gia đình, quê hương, đất nước. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a.  Mục tiêu:**HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

**b) Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

***GV nêu yêu cầu***: *Viết doạn văn (khoảng 5-7 câu) néu cảm nhân vé cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.*

**c) Sản phẩm:** vở ghi của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- HS** làm bài tập. **GV** theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.

**-  GV** yêu cầu một số **HS** trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung.

   GV nhận xét và kết luận:

 + GV nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn

 +  GV kết luận nội dung như mục **Sản phẩm**

 + GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

**Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)**

**a.  Mục tiêu:**HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng  đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

**b. Nội dung:** *Nhiệm vụ về nhà*:

***Sưu tầm những câu thơ, bài văn viết về mùa xuân(khuyến khích làm thành video hoặc bộ sưu tập hình ảnh về muầ xuân)***

**c. Sản phẩm:** Bài làm của **HS**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV** giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

**HS** thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Tiết 3: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Dấu câu và biện pháp tu từ**

**1.Trước giờ học**

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị

-Xem lại kiến thức dấu câu và các biện pháp tu từ đã học

**2.Trên lớp**

**2.1 Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ mở đầu**

**a.Mục tiêu: thu hút sự chú ý,tạo hứng ths học tập,kết nối với văn bản đọc hiểu và kiên sthuwcs tiếng Việt lớp 6**

**b.Nội dung:Học sinh thảo luận,trả lời câu hỏi**

**c. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv** | **Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt** |

|  |  |
| --- | --- |
| **?** Hs ôn lại công dụng của dấu gạnh ngang?  **2.2 Hoạt động 2: Luyện tập**  -Chuyên giao nhiệm vụ  ? học sinh nêu yêu cầu của bài tập 1/sgk /110  -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân  -Báo cáo kết quả  -Chuyên giao nhiệm vụ  ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk /110  -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm cặp  -Báo cáo kết quả  -Chuyên giao nhiệm vụ  ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk /111  -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn  -Báo cáo kết quả  -Chuyên giao nhiệm vụ  ? Học sinh nêu yêu cầu của bài tập 2/sgk /111  -Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm bàn  -Báo cáo kết quả | **I.Ôn tập lí thuyết**  1. Công dụng của dấu gạnh ngang  -Dấu gạnh ngang được dùng trong các đầu mục liệt kê,cụm liên danh,đánh dấu phần chú thích,đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  2. Các biện pháp tu từ  a.So sánh  b.Nhân hoá  c.Điệp ngữ  **II. Lyện tập**  1.Bài tập 1/sgk/110  - Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích cho nội dung trước đó  -Nêu không có cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của các câu văn sẽ không được rõ ràng.  2. Bài tập 2/sgk/111  -Cặp so sánh: đôi mày ai được so sánh với trăng mới in ngần chỉ sự thanh tân,tươi trẻ,dịu dàng.  -trời sáng lung linh- so sánh với ngọc chỉ vẻ đẹp trong sáng thanh khiết,có sắc màu ảo diệu.  \*Chính sự tương đồng này đã tạo ra hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn.Đồng thời cho hấy tài năng sáng tạo của tác giả qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ  3. Bài 3/sgk/111  - Biện pháp tu từ nhân hoá  + đôi mùa giao tiễn nhau  +đồi núi chuyển mình  +Sông hồ rung động  +vài con ong siêng năng  ->tác dụng thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật,thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.  4. Bài 4/sgk/111  - Biện pháp tư từ diệp ngữ  +ai cấm được  +đừng thương  ->Tác dụng nhấn mạnh cảm xúc của tác giả và tạo nhịp điệu cho câu văn. |

**Tiết 4,5: Văn bản 2:**

**CHUYỆN CƠM HẾN**

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

**1. Năng lực:**

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ cùa VB: Tính trữ tình thể hiện ở tình yêu của tác giả đối vâi món ăn dân dã của quê hương, lòng tự hào về truyền thống văn hoá của quê hương.

- HS nhận biết được chủ đề, thông điệp của VB: Bài tản văn chọn một món ăn bình dân của Huế như là điểm tựa để bàn về văn hoá và việc giữ gìn bản sắc văn hoá

trong cộng đổng cư dân. Đây là nét đẹp riêng của văn hoá Huế, của người Huế.

**2. Phẩm chất:**

Thêm yêu quý cảnh sắc, con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, máy chiếu

- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Định hướng học sinh vào nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS:

**c) Sản phẩm:** *câu trả lời của học sinh*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS:  1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết;  2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình.  - GV có thể cho HS xem một đoạn phim ngắn hoặc một đoạn vi-lốc giới thiệu món ăn, cách chế biến món ăn mang đậm nét văn hoá địa phương (hiện nay trên in-tơ-nét, những vi-lốc dạng này rất được yêu thích). Từ đó, GV gợi ý HS kể tên, giới thiệu món ăn đặc sản quê mình.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện cá nhân, huy động kiến thức từ hoạt động ở tiết học trước.  **Bước 3. Thảo luận, báo cáo**  HS trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học. | 1. Hiểu biết về những nét riêng trong phong cách ẩm thực ở những nơi mà mình biết;  2. Nói về một món ăn đặc sản ở quê mình. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức(khoảng 30 phút)**

**Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

1. **Giới thiệu tác giả, văn bản.**
2. **Tác giả:**

**a,** Mục tiêu: Giúp học sinh nêu được những nét chính về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường và văn bản “ Chuyện cơm hến”

b, Nội dung:

- Giáo viên hương dẫn học sinh đọc văn bản và đặt câu hỏi

- Học sinh đọc, quan sát sách giáo khoa và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của giáo viên

c, Sản phẩm: là câu trả lời của học sinh.

d, Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên):  Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa và trả lời câu hỏi  ?. Những hiểu biết của emvề tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV hướng dẫn học sinh đọc và tìm thông tin  HS quan sát sách giáo khoa  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS trả lời  - HS trả lời câu hỏi của GV  B4: Kết luận nhận định (GV)  Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình | Sản phẩm dự kiến  Hoang-Phu-Ngoc-Tuong  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 quê Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế  - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người trên khắp mọi miền tổ quốc đặc biệt là Huế  - Một số tác phẩm chính: Ai đã dặt tên cho dòng sông, Huế- Di tích và con người,... |

1. Văn bản

a, Mục tiêu: Giúp HS:

Biết được những nét chung của văn bản (thể loại, phương thức biểu đạt,...)

b, Nội dung:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, thảo luận nhóm bàn

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

c, Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 1:

- Văn bản “Chuyện cơm hến” thuộc thể loại gì?

Dựa vào đâu mà em nhận ra điều đó?

- Phương thức biểu đạt?

- Bố cục?

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập | a, Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc theo hướng dẫn  b, Tìm hiểu văn bản  - Văn bản thuộc thể loại tản văn vì nó có lối viết tạt ngang tạt dọc (giống như đang nói chuyện phiếm). Trong văn bản nói về món cơm hến trong cuộc sống đời thường của người Huế từ đó nhà văn liên tưởng đến nhiều chuyện khác qua đó bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân mình  - Phương thức biểu đạt: Thuyết minh, biểu cảm  - Bố cục 2 phần: Phần 1: Nét riêng trong khẩu vị của người Huế  Phần 2: Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó |

1. Tìm hiểu văn bản
2. Nét riêng trong khẩu vị của người Huế

a, Mục tiêu: Giúp HS:

Tìm được những chi tiết nói về những nét riêng trong khẩu vị của người Huế

b, Nội dung: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm

HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.

c, Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hình thành câu trả lời của HS.

d, Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 2:

- Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế

- Tác giả là người vùng nào? Chi tiết nào cho thấy điều đó?

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy và trò | Sản phẩm dự kiến |
| B1. Chuyển giao nhiệm vụ  Tìm những chi tiết thể hiện đặc điểm khẩu vị của người Huế  B2. Thực hiện nhiệm vụ  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập  B3. Báo cáo thảo luận  GV yêu cầu học sinh trình bày  B4. Kết luận và nhận định:  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm  - Chốt kiến thức trên mà hình chuyển dẫn sang mục sau | - Thích thú với 2 vị mà thiên hạ đều sợ đó là đắng và cay  + Thích dùng mướp đắng, đắng một cách tuyệt vời  + Thích ăn cay: cay sướng miệng, cay xè lưỡi  - Tác giả là người Huế vì thích ăn cay |

1. Đặc điểm của cơm hến và ý nghĩa của nó

Phiếu học tập số 3:

- Nguyên liệu làm cơm hến

- Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế

- Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quang món cơm hến

- Theo em tại sao tác giả lại cho rằng (một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa)

- Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Phát phiếu học tập số 3  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - GV hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  B3: Báo cáo thảo luận  GV yêu cầu HS trả lời  HS: đại diện nhóm trình bày  Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  B4: Kết luận nhận định  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm  - Chốt kiến thức trên màn hình chuyển dẫn sang nhiệm vụ sau | - Nguyên liệu: ruột hến, cơm nguội, miến măng khô,....  - Nguyên liệu, gia vị rẻ, dễ kiếm, mang tính chất bình dân phù hợp với túi tiền của tất cả mọi người  - Cách thưởng thức món cơm hến của người Huế:  + Tiêu biểu cho phong cách “ăn cay dễ sợ”, “cay chảy nước mắt” của người Huế  + Người Huế đã nâng một món ăn bình dân làm thành nghệ thuật ẩm thực Huế  + Lấy điểm tựa là một món ăn của người bình dân bài tản văn bàn về phong tục tập quán và sự giữ gìn văn hóa truyền thống, sự gắn bó với quê hương  - Truyện không chỉ giới thiệu một món ăn hay là cung cấp thông tin về công thức chế biến món ăn. Món cơm hến là cái để bàn nhiều chuyện khác:  + Phong cánh ẩm thực của người Huế  + Tục lệ  + Sự thèm cơm hến của tác giả  - Di tích văn hóa ghi dấu ấn lịch sử của một thời vì thế để giữ gìn truyền thống văn hóa cần bảo tồn nguyên trạng những nét xưa. Món ăn cũng vậy: Bảo tồn được nét xưa sẽ bảo tồn được truyền thống pha tạp sẽ mất đi hồn cốt như thay bún bằng cơm nguội sẽ mất đi hương vị đặc trưng của cơm hến  - Dáng cao gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ  => Hình ảnh nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn có cái tươm tất, dù là người lao động nhưng vẫn giữ cốt cách của cố đô. Bán hàng để mưu sinh nhưng không đặt lợi nhuậnh lên hàng đầu. Chị và gánh hành của chị trở thành một nét văn hóa đặc trưng của Huế  - Hình ảnh bếp lửa là hình ảnh vừa thực vừa mang tính tượng trưng. Nó tượng trứng |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc? Em cảm nhânh như thế nào về cái tôi của tác giả trong truyện?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV sử dụng phương pháp thảo luận cặp đôi  HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ  HS trình bày theo dõi nhận xét và bổ sung  B3: báo cáo  GV yêu cầu HS trả lời  Các cặp trình bày, nhận xét  B4: Kết luận, nhân định | - Ngôn ngữ có tính khẩu ngữ  - Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương  - Cái tôi của tác giả khiến bài tản văn khác với các thể loại văn xuôi khác: Nhà văn là người nhạy cảm cảm nhận được những nét đẹp đời thường thể hiện ở việc ông nhận ra vẻ đẹp ẩn trong gánh cơm hến và người bán cơm hết |

1. Tổng kết

|  |  |
| --- | --- |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  Nêu cách sử dụng từ ngữ trong văn bản  Nội dung chính của văn bản  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS suy nghĩ cá nhân 2 phút và ghi ra giấy  GV hương dẫn theo dõi, quan sát HS (nếu HS gặp khó khăn)  B3: Báo cáo và thảo luận  HS báo cáo kết quả, HS khác theo dõi và nhận xét, bổ sung cho bạn  GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo  B4: Kết luận và nhận định  Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS | 1. Nghệ thuật:   - Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ đôi khi hài hước, sử dụng nhiều từ ngữ địa phương  - Sử dụng hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng   1. Nội dung:   -Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa  - Truyền cho người đọc tình yêu, lòng tự hào về nền văn hóa ẩm thực  Huế. |

Hoạt động luyện tập

a.  Mục tiêu: HS có được những hiểu biết cơ bản về tác phẩm

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

 GV nêu yêu cầu: Viết doạn văn (khoảng 5-7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hóa nới em đang sống?

c) Sản phẩm:  vở ghi của HS

d) Tổ chức thực hiện:

  - HS làm bài tập. GV theo dõi, gợi ý và hỗ trợ, giải đáp thắc mắc nếu có.

  -  GV yêu cầu một số HS trình bày sản phẩm, các HS góp ý, bổ sung.

   GV nhận xét và kết luận:

 + GV nhận xét về cách diễn đạt, hành văn, nội dung trình bày trong đoạn văn

 +  GV kết luận nội dung như mục Sản phẩm

 + GV nhấn mạnh vào thông điệp và ý nghĩa của tác phẩm.

Hoạt động vận dụng (thực hiện ở nhà)

a.  Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng  đã học để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn theo yêu cầu của GV

b. Nội dung: Nhiệm vụ về nhà:

  Sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao nói về những sản vật của quê hương Hà Nam

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

 GV giao nhiệm vụ cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

 HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Tiết 6: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

1. **TRƯỚC GIỜ HỌC**

**GV** hướng dẫn học sinh chuẩn bị

-Xem lại kiến thức về từ ngữ địa phương đã được học ở lớp dưới

- Đọc tri thức ngữ văn

**2. TRÊN LỚP**

**2.1 Hoạt động 1:Xác định vấn đề/mở đầu**

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý,tạo hứng thú học tập,kết nối với văn bản đọc và kiến thức tiếng Việt đã học.

b. Nội dung: Hs thảo luận và trả lời câu hỏi để xác định vấn đề của bài học

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt. |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ:GV yêu cầu hs trả lời theo cá nhân  -Đã bao giờ việc sử dụng từ ngữ địa phương làm em gặp khó khăn chưa? Hãy thuật lạ trường hợp đó?  -Theo em việc sử dụng từ ngữ đại phương có cần thiết không?  \* Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ làm việc cá nhân  \* Báo cáo nhiệm vụ  GV kết nối với bài học | -Sản phẩm  + Câu chuyện của học sinh  +Rất cần thiết,nó làm cho cách diễn đạt phong phú hơn phù hợp với văn hoá vùng miền. |

**2.2 Hoạt đông 2:Hình thành kiến thức mới.**

a. Mục tiêu: HS nhận biết được,phân tích được đặc điểm của từ ngữ địa phương và thực tế sử dụng từ ngữ địa phương hiện nay.

b. Nội dung :HS đọc SGK,thảo luận nhóm suy nghĩ trả lời câu hỏi để nhận biết từ ngữ đại phương và việc sử dụng từ ngữ đại phương.

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của hs và sản phẩm cần đạt |
| +Chuyển giao nhiệm vụ :GV yêu cầu hs đọc phần tiếng Việt trong tri thức ngữ văn? Đọc nội dung phần thẻ màu vàng thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi  -Thế nào là từ ngữ địa phương  - Sử dụng từ ngữ địa phương có tác dụng gì?  -Các từ ngữ điạ phương có đặc điểm gì ?  -Cần lưu ý những gì khi sử dụng từ ngữ đại phương ?  +Thực hiện nhiệm vụ  HS làm việc cá nhân  +Báo cáo kết quả | 1. Nhận biết từ ngữ địa phương   * HS trả lời * Sản phẩm   + Khác với từ ngữ toàn dân,từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng,miền nhất định.  + Từ ngữ đại phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ cộng đồng.  + sử dụng từ ngữ địa phương không gây khó hiểu cho người đọc người nghe và không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. |

**2.3: Hoạt động 3: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Hs hình thành được ngyên tắc ứng xử thích hợp với việc sử dụng từ đại phương trong nói viết và trong giao tiếp xã hội.

b.Nội dung HS làm bài tập SGK

c.Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của Gv | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| -Chuyển giao nhiệm vụ  Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 1( nhóm cặp)  -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ  - Báo cáo sản phẩm.  -Chuyển giao nhiệm vụ  Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 2( nhóm bàn)  -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ  - Báo cáo sản phẩm.  -Chuyển giao nhiệm vụ  Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 3( cá nhân )  -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ  - Báo cáo sản phẩm.  -Chuyển giao nhiệm vụ  Gv Yêu cầu hs thực hiện bài tập 4( nhóm bàn)  -Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ trao đổi và thực hiện nhiệm vụ  - Báo cáo sản phẩm. | 1. Bài tập 1/sgk/116  - Sản phẩm: Từ ngữ địa phương: thẫu,vịm,trẹc,o  - Vì tìm được những từ toàn dân tương  đương.  2.Bài tập 2/sgk/116  -Sản phẩm   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương  -lạt  -Duống  -xắt  -đậu phụng  -vị tinh  -Thẫu | Từ ngữ toàn dân  -Nhạt  -Đưa xuống  -thá  -lạc  -bột ngọt  - dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to |   3.Bài tập 3/sgk/116  -Sản phẩm:Tác giả sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí,sắc thái riêng của người Huế góp phần tạo ấn tượng sâu đậm về Huế và văn hoá Huế.  4.Bài tập 4/sgk/116   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương  -khổ qua  -Heo  -u  -đậu phộng  -tía | Từ ngữ toàn dân  -mướp đắng  -lợn  -mẹ  -lạc  -bố | |

**2.4 Củng cố kiến thức**

a.Mục tiêu: củng cố kiến thức trong bài học

b. Nội dung :Viết đoạn văn 5-7 câu chủ đề tự chọn có sử dung từ ngữ địa phương .

c Tổ chức thực hiện

**Tiết 7: Văn bản (3)**

**HỘI LỔNG TỒNG**

**(Trần Quôc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:**

1. **Năng lực:**

- HS nhận ra được văn bản thông tin về đề tài lễ hội

- Nhận biết được nét đặc sắc văn hoá của lễ hội Lồng Tồng - một lễ hội xuống đồng ở Việt Bắc

- Biết lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm của lễ hội

- Nêu được ấn tượng chung về vẻ đẹp văn hoá vùng miền trong văn bản

- Hiểu được cách miêu tả tinh tế, sinh động của tác giả.

**2. Phẩm chất**

- Bồi đắp cho HS những xúc cảm thẩm mĩ trước những nét đẹp truyền thống của từng vùng miền

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS nghe nhạc, xem đoạn phim, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

GV tiến hành cho HS xem video về lễ hội Lồng tồng

GV khích lệ HS:

- Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc những hình ảnh trong lễ hội

- Kể thêm về lễ hội mà em biết hoặc từng tham gia

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Khám phá chung văn bản**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hội Lồng Tồng* ”.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục…

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Khám phá chung văn bản** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả, Văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tìm hiểu chung về văn bản :**  **a.Tác giả:**  **-Trần Quốc Vượng**  **- Lê Văn Hảo**  **- Dương Tất từ**  **2. Văn bản:**  \* Thể loại: Văn bản thông tin  -\*Phương thức biểu đạt chính: Thuyết minh |
| **NV2: Tìm hiểu về chú thích và bố cục văn bản:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV yêu cầu HS Giải thích một số từ khó trong SGK**  **\*GV hướng dẫn cách đọc văn bản**: Đọc to, rõ ràng; chú ý đọc đúng lời các bài hát( lượn)  Tìm bố cục , đề tài của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **-\* Đọc và tìm hiểu chú thích**  **- Giải thích các từ: Lồng tồng, Việt Bắc, ném còn, hát lượn……..**  **- Đọc văn bản :**  **\*- Bố cục:**  - P1: Từ đầu đến “*múa sư tử và lượn Lồng tồng*”:;Giới thiệu khái quát về hội Lồng Tồng  - P2: Từ “*Trò chơi ném còn…”* đến “…*cuộc vui tiếp tục* ”;Giới thiệu về trò chơi ném còn  - P3: Từ “*Múa sư tử.”* đến “ đo tài với đối phương”: Giới thiệu về trò múa sư tử  - P4: Còn lại: Giới thiệu về hoạt động hát lượn  **\* Đề tài**  - Vămn hoá truyền thống vùng miền |

**Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, lựa chọn, phân tích các chi tiết tiêu biểu miêu tả lễ hội truyền thống Hội Lồng Tồng

**b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu Ý nghĩa. đặc điểm của lễ hội

**PHIẾU HỌC TẬP 01:**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nhiệm vụ** |  |  |  |
| *1Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức* | **...............................** | **.....................** | **..........................** |
| *2) Phần cúng tế -lễ* | **..................................** | **.......................** | **.............................** |
| *3) Phần vui chơi- hội* | **................................** | **......................** | **...........................** |

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nhiệm vụ** | **TRò chơi ném còn** | **Trò chơi múa sư tử** | **Hoạt động hát- lượn** |
| *Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thê nào* | **...............................** | **.....................** | **..........................** |
| *2)Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người* | **..................................** | **.......................** | **.............................** |
| *3)Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội?* | **................................** | **......................** | **...........................** |

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá chi tiết văn bản** | |
| **Thao tác 1: Giới thiệu khái quát về lễ hội Lồng Tồng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ VB, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  *1) Tìm những câu văn giới thiệu về lễ hội?*  GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 01**:  *1-Lễ hội tổ chức vào thời gian nào? , địa điểm tổ chức, vùng miền tổ chức*  *2) Phần cúng tế -lễ*  *3) Phần vui chơi- hội*  **-** Thời gian làm việc nhóm: 05 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1/Giới thiệu khái quát về lễ hội Lồng Tồng**  - Hội lồng tồng được tổ chức ở vùng Việt Bắc từ sau Tết Nguyên đán đến Tết Thanh minh  - Trong những ngày hội lồng tồng, dân làng mang cỗ đến cúng Thần Nông và Sau lễ cúng người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, loại rượu làm từ các sản phẩm nông nghiệp  -Tiếp đó là phần hội với các hoạt động như kéo co, thi bắn, ném còn, múa sư tử và lượn lồng tồng, đáng chú ý nhất là các trò ném còn, múa sư tử và lượn lồng tồng… |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu mục đích của việc mở lễ hội và tục thờ thần nông của người Tày , Nùng**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trình bày ý nghĩa của việcmowr lễ hội?  - Sản vật cúng lễ có liên quạn gì tới tục xuống đồng và tục thờ thành hoàng?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  Làm việc cá nhân, kĩ thuật viết tích cực  **Bước 3: Báo cáo**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2;  **Thao tác 3:Tìm hiẻu các hoạt động của lễ hội**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  GV chia lớp thành 03 nhóm, HS thảo luận, hoàn thành vào **Phiếu HT số 02**:  *1/ Các trò chơi, hoạt động diễn ra như thê nào*  *2)Những hoạt động đó thể hiện những khả năng nào của con người*  *3/ Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức lễ hội ?*  **-** Thời gian làm việc nhóm: 05 phút.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc theo nhóm theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  ?Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc.  Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?  - Trong câu văn “Lượn, tiếng nói tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời Việt Bắc” người viết đã thể hiện thái độ tôn trọng, trân trọng đối với nét văn hóa của vùng Việt Bắc, của đồng bào Tày – Nùng. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng đây là nét văn hóa đáng quý, là bản sắc của người dân cần được giữ gìn và phát huy. | - Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan tới tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông là:  + Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là xuống đồng.  + Thần thành hoàng làng của đồng bào Tày – Nùng là Thần Nông.  + Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường.  => Do đó các vật phẩm cúng tế sẽ là các sản phẩm được sản xuất từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như: thịt gà, thịt lợn, các loại bánh, các loại rượu…  **2. Những hoạt động của cư dân trong phần hội Lồng Tồng**  - Những hoạt động nào cư dân trong phần hội miêu tả trong phần hội là: thi ném còn, thi múa sư tử, lượn lồng tồng…  -Những hoạt động đó biểu thị con người có phẩm chất và khả năng: sáng tạo, đoàn kết để trở thành một cộng đồng vững mạnh.  - Thông qua tổ chức lễ hội lồng tồng người dân gửi gắm mong ước sẽ có mùa màng bội thu, dân làng được bình an, may mắn, tốt lành. |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  ? Em rút ra bài học nào khi đọc hiểu tác phẩm là tiểu thuyết ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**   * GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng phương pháp thuyết minh, cung cấp tti thức khách quan.  - Ngôn ngữ kể chuyện sinh động, cách miêu tả chân thực dễ hiểu  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Văn bản đã khắc hoạ ấn tượng vẻ đẹp lễ hội truyền thống và con người Tầy , Nùng vùng quê Việt Bắc vừa gần gũi, mộc mạc , hồn nhiên, vừa mạnh mẽ,sáng tạo ..  - Văn bản đã bồi đắp cho mỗi chúng ta tình cảm yêu mến nét đẹp văn hoá của dân tộc Việt Nam |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức trong bài học,

**b. Nội dung**: Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bầy cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Lông Tồng của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn 5- 7 câu trình bầy cảm nhận của em về vẻ đẹp lễ hội Lông Tồng của người dân tộc Tày, Nùng mà em vừa được học

- Kĩ thuật : viết tích cực

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 03 phút.

GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

- HS viết, giáo viên gọi học sinh đọc, gọi học sinh khác nhận xét

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung:**

? Hãy trình bầy ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương khác mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì vè lễ hội đó?

**c. Sản phẩm: Bài viết của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Hãy trình bầy ngắn gọn một lễ hội ở quê em , hoặc ở địa phương kacs mà em có dịp tham gia, hoặc em biết? Em có cảm nhận gì vè lễ hội đó?

GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”, kĩ thuật công não; HS làm việc cá nhân

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.

GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**PHẦN 2: VIẾT**

**(Tiết 8,9,10)**

**1, Trước giờ học**

GV hướng dẫn học sinh Hoàn thành phiếu học tập.

Văn bản tường trình được viết trong hoàn cảnh nào………………………………..

Văn bản tường trình gồm mấy phần…………………………………………………

Trình bầy văn bản này cần lưu ý những gì ………………………………………….

**2. Trên lớp**

**2.1 Hoạt động 1: Khởi động và xác định vấn đề học tập**

-Thu hút sự chú ý,tạo hứng thú học tập.kết nối hiểu biết của học sinh với những bài học trước.

-Nội dung : Học sinh có thể kể lại ngắn gọn một tình huống trong cuộc sống của mình hay đã gặp.

**2.2 Hoạt động 2 Hình thành kiến thức**

-Mục tiêu giúp học sinh hình thành kiến thức kĩ năng để viết văn bản tường trình đúng thể thức.

-Nội dung:Tìm hiểu cách thức viết văn bản tường trình

-Tổ chức thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt |
| **1.Những lưu ý khi viết văn bản tường trình** | |
| Yêu cầu học sinh trình bầy nội dung đã chuẩn bị theo phiếu học tập.  HS làm việc cặp đôi và trả lời câu hỏi.Theo em thì trong những hoàn cảnh hay tình huống nào người ta cần sử dụng văn bản tường trình? Việc viết tường trình nhằm mục đích gì? EM đã bao giờ viết tường trình chưa?  GV nhận xét và dẫn dắt vào bài . | - Hs trình bầy  - Sản phẩm: Phiếu học tập có phần trả lời các câu hỏi.  -Bản tường trình là loại văn bản được sử dụng khi có một sự việc gây hậu qảu xấu xảy ra  -Mục đích của văn bản này là để trình bầy một cách rõ ràng sự việc diễn ra trong đó nêu được mức độ trách nhiệm của mình |
| **2. Phân tích bài viết tham khảo**  **B1 Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu hs làm việc theo nhóm qua phiếu học tập đer phân tíc bài viết tham khảo  Dựa vào phiếu học tập GV yêu cầu HS phân tích câu hỏi trong sách giáo khoa  -Nêu nhậ xét về việc tuân thủ thể thức văn bản tường trình trong văn bản trên.  -Vì sao bản tường trình có tên gọi và phải ghi đầy dủ thời gian,địa điểm,người viết tường trình.  -Khi viết tường trình nội dung nào cần ghi cụ thể,chi tiết.  \* Thực hiện nhiệm vụ  \* Báo cáo kết quả  GV Qua việc phân tích bản tường trình tham khảo nêu thể thức của bản tường trình.  GV Yêu cầu học sinh đọc thể thức của bản tường trình trong sách giáo khoa trang 120. | -HS làm việc theo nhóm trao đổi và trình bầy.  -Sản phẩm phiếu học tập đã hoàn thành  -HS trao đổi trình bầy kết quả  -Sản phẩm  + Văn bản đã tuân thủ thể thức của một văn bản tường trình.  + Tường trình phải có tên gọi và ghi đủ thời gian địa diểm,người viết tường trình vì đây là bằng chứng để đánh giá một vụ việc.  +Diễn biến của vụ việc cần được ghi lại chi tiết.  -Sản phẩm thể thức của tường trình trong SGK trang 120 |
| **3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập vận dụng**  a. Mục tiêu: Hs viết được bản tường trình của một vụ việc xảy ra với mình hoặc được chứng kiến.  b.Nội dung:HS trả lời và câu hỏi và thực hiện các bước của quy trình viết.  c.Tổ chức thực hiện | |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh và sản phẩm cần đạt |
| **1.Trước khi viết** | |
| \*. Chuyển giao nhiệm vụ:GV giao nhiệm vụ cho hs: Viết bản tường trình về vi phạm nội quy của lớp học hay vi phạm nội quy của nhà trường.  a.Xác định mục đích viết và người đọc  -GV yêu cầu hs làm việc cá nhân xác định mục đích viết và người đọc trước khi viết tường trình xảy ra với chính mình hoặc chứng kiến.  \* Thực hiện nhiệm vụ : Hoc sinh suy nghĩ trả lời câu hỏi.  \* Báo cáo kết quả  b.Lựa chọn nội dung để viết tường trình  -GV yêu cầu HS hình dung lại sự việc đã xảy ra để ghi lại tường trình  GV phỏng vấn 5 đến 7 học sinh về tên gọi của tường trình  -Gv mời một số hs khác góp ý và Gv góp ý cho tên tường trình | -HS suy nghĩ trả lời  -Sản phẩm:  + Mục đích viết là ghi chép trung thực nội dung diễn biến của sự việc nhằm xây dựng hồ sơtin cậy về một vụ việc nào đó.  + Người đọc: Tất cả những người liên quan đến sự việc,những cơ quan cá nhân có lên quan muốn nắm bắt thông tin về vụ việc đã xảy ra.  -HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ  -Sản phẩm:Tên bản tường trình mà học sinh chuẩn bị viết. |
| 2.Viết tường trình | |
| \* Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu Hs làm việc cá nhân đọc sách giáo khoa và nêu một vài điểm cấn lưu ý khi viết tường trình.  \* Thực hiện nhiệm vụ Hs suy nghĩ trả lời  \*Báo cáo kết quả  -GV nhắc lại những yêu cầu,lưu ý khi viết tường trình.  -GV yêu cầu học sinh viết tường trình. | -Học sinh đọc SGK,suy nghĩ và trình bầy.  -Hs viết tường trình |
| **3.Chỉnh sửa biên bản** | |
| Gv yêu cầu hs chỉnh sửa tường trình theo cặp(chỉnh sửa lẫn nhau)dựa trên gợi ý chỉnh sửa SGK trang 123 | -Hs đọc bảng gợi ý chỉnh sửa tường trình  -Hs dùng bút màu để đánh dấu và chỉnh sửa tường trình của mình và của bạn.  -Hs trình bầy kết quả chỉnh sửa tường trình. |

4. Củng cố kiến thức.

a. Mục tiêu: HS hiểu được tình huống nào cần làm tường trình

b.Nội dung:trình bầy một bản tường trình đúng thể thức

c. Tổ chức thực hiện

**PHẦN 3: NÓI VÀ NGHE**

**(Tiết 11,12)**

Trình bầy ý kiến về một vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

**1.Trước khi nói**

GV hướng dẫn học sinh chuẩn bị Học sinh mang bài viết đã viết về chủ đề Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm

**2.Trên lớp**

2.1 Hoạt động 1 Xác định vấn đề /mở đầu

a.Mục tiêu: HS nắm được nội dung của dự án “ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”

b.Nội dung: HS trình bầy lại ý tưởng của dự án

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS và sản phẩm cần đạt |
| - Chuyển giao nhiệm vụ:GV Yêu cầu hs trình bầy mục tiêu,ý nghĩa của dự án“ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”  -GV yêu cầu các nhóm trưởng lên báo cáo tiến độ thực hiện dự án của mỗi nhóm.  \* THực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ trao đổi  \* Báo cáo kết quả | -HS trình bầy về dự án đã được thực hiện. |

2.2 Hoạt động 2: Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu: Hs thảo luận được giải pháp để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương.

b.Nội dung: HS trình bầy thảo luận về giải pháp để bảo tồn c

c. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của Hs và sản phẩm cần đạt |
| **1.Trước khi nói** | |
| a.Xác định mục đích nói và người nghe  \* Chuyển giao nhiệm vụ :GV mời một số hs chia sẻ việc xác định mục đích nói và nghe khi thảo luận về giảo pháp để bảo tồn “ Chúng em chung tay để bảo tồn hát trống quân ở quê hương Liêm Thuận Thanh Liêm”  \* Thực hiện nhiệm vụHS suy nghĩ trao đổi  \*Báo cáo kết quả | -Sản phẩm  + Mục đích nói: đi tìm một giải pháp tối ưu,khả thi có thể thực hiện được ngay để bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền thống của của địa phương.  +Người nghe:Những người có chung mối quan tâm và mong muốn được cúng ta thảo luận vấn đề. |
| b.Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện  \* Chuyển giao nhiệm vụ:GV chiếu phiếu đánh giá theo tiêu chí thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá truyền thống của địa phương  -GV hướng dẫn học sinh phân tích kĩ từng tiêu chí và mức điểm của mỗi tiêu chí.  \* Thực hiện nhiệm vụ:Hs trao đổi theo nhóm để chuẩn bị trình bầy.  \* Báo cáo kết quả | -HS phân tích phiếu đánh giá theo tiêu chí |
| **2.Trình bầy bài nói** | |
| -GV mời đại diện các nhóm trình bầy sản phẩm của dự án.  +Nhóm 1,2,3 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương ( Nhiệm vụ giả sử em là trưởng ban văn hoá của huyện,xã em hãy trình bầy giải pháp đề bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương)  + Nhóm 4,5,6 thảo luận về giải pháp bảo tồn một sinh hoạt văn hoá của địa phương( Nhiệm vụ nêu em là một thành viện của ban giám hiệu nhà trường em hãy trình bầy bầy giải pháp đề bảo tồn một sinh hoạt văn hoá dân gian của địa phương) | -Đại diện các nhóm trình bầy bài nói và thảo luận về giải pháp trước lớp.  -HS khác lắng nghe đánh giá kết quả trình bầy vào phiếu cá nhân.  -Học sinh thống nhất đánh giá theo nhóm. |

**PHIÉU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | |
| **Chưa đạt**  **(0 điểm )** | **Đạt**  **(1 điểm )** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1.Đưa ra được thực trang của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương | Chưa đưa ra được thực trang của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương | Đưa ra được thực trạng của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương | Đưa ra được thực trạng thuyết phục của sinh hoạt văn hoá dân gian hát trống quân tại địa phương |
| 2.Đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân | Chưa đề xuất được giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân | Đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân | Đề xuất được một số giải pháp rất hợp lí để bảo tồn được sinh hoạt văn hoá hát trống quân |
| 3.Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả | Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ chưa phù hợp với nội dung trình bầy | Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bầy | Sử dụng yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung trình bầy và thuyết phục chuyên nghiệp |
| 4.Sử dụng các phương tiện hỗ trợ( tranh ,ảnh,video…)khi trình bầy. | Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ( tranh ,ảnh,video…)khi trình bầy. | Có sử dụng một vài phương tiện hỗ trợ( tranh ,ảnh,video…)khi trình bầy. | Có một vài phương tiện hỗ trợ hợp lí thuyết phục khi trình bầy. |
| 5. Trao đổi với nhóm khác có hiệu quả | Không trao đổi với người nghe hoặc trao đổi chưa đúng vào nội dung thảo luận | Trao đổi với người nghe tương đối rõ về nội dung thảo luận | Trao đổi với người nghe về nội dung thảo luận một cách rõ ràng thuyết phục. |
| **TỔNG ĐIỂM …/10 ĐIỂM** | | | |

**3.Sau khi nói.**

Trao đổi về bài nói theo gợi ý trang 125 SGK

**Bài 6**

**BÀI HỌC CUỘC SỐNG ( 12 TIẾT)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

**BÀI 6 BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 tiết)  
A. MỤC TIÊU**Sau khi học xong bài 6 *Bài học cuộc sống*, HS có thể:  
**I. Về năng lực  
1. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

-Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

-Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng cầu, chữ; vần.

-Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

-Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

-Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

**2. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)  
– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ  
học tập theo nhóm.  
– Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**II. Về phẩm chất**

Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dần gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm  
-**B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung dạy học** | **Phương pháp, phương tiện** | **Chuẩn bị trước giờ học của HS** |
| **Đọc hiểu** Văn bản 1: *Đẽo cày giữa đường* (2 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | – Đọc trước phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK (tr. 10). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2. |
| VB 2: Ếch ngồi đáy giếng ( 1t) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập | – Thực hiện phiếu học tập số |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Văn bản 3 : *Con mối và con kiến*(1 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. | Thực hiện phiếu học tập. |
| Thực hành tiếng Việt (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | Đọc trước *Thành ngữ* |
| Văn bản 4 : *Một số câu tục ngữ Việt Nam*(1 tiết) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao. |
| Thực hành tiếng Việt (1 tiết) | – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. | Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao |
| VB 5: Con hổ có nghĩa ( 1tiet) | – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao. |
| Viết: Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống(3 tiết) | – Phương pháp: dạy học theomẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi mở, làm việc nhóm,… – Phương tiện: SGK, phiếu học tập. | Đọc yêu cầu đối với VB nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống |
| Nói và nghe: Kể lại 1 truyện ngụ ngôn | – Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,… – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí. | Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK, tr. 30 – 31). |

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC  
I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC  
1. Mục tiêu**– HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.  
**2. Nội dung:** HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được  
nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.  
**3. Sản phẩm:** câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.  
**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của gv và học sinh | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **1. Tìm hiểu *Giới thiệu bài học* Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài. **Thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệubài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học. **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ kết quả trước lớp. **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học. **2. Khám phá *Tri thức ngữ văn(1)* Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1. GV yêu cầu HS vận dụng “tri thức ngữ văn” đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nêu hiểu biết của em về truyện ngụ ngôn, một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ, biện há nói quá  **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và traođổi câu trả lời trong nhóm. – GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp. | Chủ đề: Bài học cuộc sống  Th ể loại: truyện ngụ ngôn  **Tri thức ngữ văn** – HS chia sẻ các chi tiết tuỳ theo lựa chọn cá nhân. |

(

|  |
| --- |
| **Báo cáo, thảo luận:** GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Nên tạo cơ hội cho các nhóm có học lực khác nhau tham gia. Các nhóm khác nhận xét. **Kết luận, nhận định:** GV nhấn mạnh lại các khái niệm truyện ngụ ngôn, đặc điểm của truyện ngụ ngôn và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB. |

**II. ĐỌC VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (Truyện ngụ ngôn)  
Hoạt động 1. Khởi động  
1. Mục tiêu:** giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi  
gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với  
nội dung VB.  
**2. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để  
làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.  
**3. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  
**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  Gọi HS xung phong kể một cầu chuyện ngắn hoặc sự việc để lại bài học sâu sắc về cuộc sống, yêu cẩu HS nói rõ bài học đã rút ra được; có thể mời HS khác rút ra bài học cho bản thân từ cầu chuyện bạn kể.  **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS hoạt động cá nhân. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |
| * **Báo cáo, thảo luận:** Gọi 1 -2 hs trình bày.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB.   – GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới  
1. Mục tiêu**

**-**Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Hiểu được bài học rút ra từ câu chuyện Đẽo cày giữa đường

**2. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc  
nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  
**3. Sản phẩm:** câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.  
**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| 1. **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**   **Gv giao nhiệm vụ** – Hướng dẫn HS đọc văn bản  -Gọi 1hs đọc hết vb  - Trong quá trình đọc, GV kết hợp đọc mẫu (nhất là những lời thoại của nhân vật), vừa đọc vừa nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...) để chỉnh sửa kĩ năng đọc cho HS.   * Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được nêu ở các the bên phải VB, giúp HS chú ý và ghi nhớ, nhưng không làm gián đoạn việc đọc.   **Giao nhiệm vụ:** – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2(đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết thể loại, ngôi kể, nhân vật , cốt truyện  Phiếu học tập số 2   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Cốt truyện | |  |  |  |  |   – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS trả lời câu hỏi theo PHT. **Báo cáo, thảo luận:** – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm. – HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích. **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về thể loại, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện. | **1.Tìm hiểu chung** a. Đọc văn bản b. Xác định thể loại -Truyện ngụ ngôn  c.Ngôi kể  - Ngôi 3  d.Nhân vật chính  - Người đẽo cày  e. Cốt truyện  Truyện kể về một người thợ mộc bỏ ra 1 số tiền lớn mua gỗ về đề đẽo cày bán . Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý . Mỗi lần nghe người khác gó ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. . Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào , vốn liếng cũng hết sạch. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản** | **2. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  . |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **a.Tìm hiểu bối cảnh**  **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm bối cảnh câu chuyện **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS đọc văn bản để tìm câu trả lời – GV quan sát, hỗ trợ HS. **Báo cáo, thảo luận:** Hs báo cáo kết quả  **Kết luận, nhận định:** – GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.  **b. Hành động của người thợ mộc**  **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm. Thực hiện phiếu học tập số 3   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Kết quả | | Lần 1 |  |  | | Lần 2 |  | | Lần 3 |  | | Nhận xét về người thợ mộc: | | |   **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập. – GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3 và thảo luận.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Kết quả | | Lần 1 | - Phải đẽo cho cao, cho to.  🡪Cho là phải,đẽo cày cao hơn, to hơn | Không bán được cái nào, vốn liếng đi đời nhà ma | | Lần 2 | - Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn.  🡪Cho là phải,lại đẽo cày nhỏ hơn, thấp hơn | | Lần 3 | - Mau đẽo to gấp đôi, gấp ba.  -> Nghe theo ngay, đẽo to gấp đôi,gấp ba | | Nhận xét về người thợ mộc: không có chính kiến, ai nói gì cũng nghe theo dẫn đến việc đẽo ra những cái cày không phù hợp, không có ai mua. | | |   **Kết luận, nhận định:** – GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức. GV nhấn mạnh cho HS phải nắm được trọn vẹn cả ba lần phản ứng trong cầu chuyện (hai lần “cho la phải” rồi đẽo cày theo kích cỡ mới, và một lần ‘liền đẽo ngay” mà không có suy nghĩ, tìm hiểu, cần nhắc). Phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng “dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi “quá muộn rồi, không sao chữa được nữa”.  GV cẩn hướng dẫn HS chú ý từ ngữ được dùng trong VB để thể hiện mức độ “dại” của người thợ mộc: lần 1 *cho là phải - đẽo,* lần 2 *cho là phải - lại đẽo,* lẩn 3 *liền đẽo ngay.*  – GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống. | **a. Bối cảnh của câu chuyện**  Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.  **b.Hành động của người thợ mộc**  – Cử chỉ, hành động: nghe và làm theo lời của người khác  -Kết quả: không bán được cái nào, “ vốn liếng đi đời nhà ma”  Nhận xét về người thợ mộc: không có chính kiến, ai nói gì cũng nghe theo dẫn đến việc đẽo ra những cái cày không phù hợp, không có ai mua. |

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA **MÔN NGỮ VĂN 7** 73

|  |  |
| --- | --- |
| **c. Bài học rút ra từ câu chuyện**  **Giao nhiệm vụ:** Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường là gì?  **Thực hiện nhiệm vụ:** – HS hoạt động cặp đôi tìm câu trả lời  **Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận. **Kết luận, nhận định:**  Gv chốt lại bài học rút ra và ý nghĩa thành ngữ “ Đẽo cày giữa đường”  GV cũng cần giúp HS phân biệt giữa *biết lắng nghe góp ý* với *dễ nghe người là dại* (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng) để HS nhận thức đúng đắn vê' điều này. **3. Tổng kết** – *Nêu nội dung chính và bài học cuộc sống từ vb chìa vôi”. – Điều gì đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?* – *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?* GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh thể loại , tính cách nhânvật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài. | **c. Bài học rút ra và ý nghĩa thành ngữ “ Đẽo cày giữa đường”** Những bài học rút ra từ câu chuyện:  - Con người cần phải có chính kiến và bảo vệ chính kiến của bản thân để đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu.  - Trong cuộc sống luôn có rất nhiều ý kiến trái chiều, chín người mười ý, vì thế chúng ta cần biết lắng nghe và chọn lọc để biết đâu là lời khuyên phù hợp và đâu là lời khuyên không hữu ích, cần phải loại bỏ để tránh những hậu quả đáng tiếc.  Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường chính là để chỉ những người không có chính kiến, mải chạy theo ý kiến từ người khác mà không biết suy xét đến mục tiêu, kế hoạch của bản thân mình.  **3. Tổng kết** - Nội dung: Qua câu chuyện về người thợ mộc, chuyện khuyên nhủ con người cần phải có chính kiến và bảo vệ chính kiến của bản thân để đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu, cần biết lắng nghe và chọn lọc để biết đâu là lời khuyên phù hợp và đâu là lời khuyên không hữu ích, cần phải loại bỏ để tránh những hậu quả đáng tiếc.  Nghệ thuật:  Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.Tình tiết có mức độ tăng dần. Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống |

**Hoạt động 3. Luyện tập  
1. Mục tiêu:** củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.  
**2. Nội dung:** HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn  
ngắn từ một nội dung của truyện.  
**3. Sản phẩm:** đoạn văn của HS.  
**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **1. Luyện tập đọc hiểu Giao nhiệm vụ:** Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện em sẽ làm gì trước những lời góp ý của mọi người?  **Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ. **Báo cáo, thảo luận:** Khoảng 3 – 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn. **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm,  **2. Viết kết nối với đọc Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 5* – *7 câu) có sử dụng thành ngữ Đẽo cày giữa đường*  **Thực hiện nhiệm vụ:** HS có thể chọn cách viết 1 đv nghị luận nội dung khuyên nhủ bạn bè cần có chính kiến, biết lắng nghe, chọn lọc lời góp ý, có dẫn câu thành ngữ **Báo cáo, thảo luận:** Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau: – Nội dung: khuyên nhủ con người biết giữ chính kiến, biết lắng nghe  – Chính tả và diễn đạt: đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt. – Dung lượng: khoảng 5 –7 câu. **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS. |  |

**Hoạt động 4. Vận dụng  
1. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong  
học tập và thực tiễn.  
**2. Nội dung:** Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện Đẽo cày giữa đường và kể lại ngắn gọn sự việc đó.  
  
**3. Sản phẩm: Câu chuyện của hs**

**4. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà: **:** Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện Đẽo cày giữa đường và kể lại ngắn gọn sự việc đó **HSThực hiện nhiệm vụ** ở nhà | – Bài viết của hs. |

**VĂN BẢN 2: ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

**( 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Có năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện này với các truyện khác có cùng chủ đề.

**b. Năng lực chung**

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp

- Thực hiện tích cực, chủ động trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm

- Biết phân tích, đánh giá thông tin của văn bản, của bạn , của các tình huống có vấn đề được GV gợi ra trong tiết học.

**2. Phẩm chất:** Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng,cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết,...

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài .

- Đọc kĩ văn bản và hoàn thành các phiếu học tập mà GV giao chuẩn bị ở nhà

**\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

+ Em hãy cho biết ai là tác giả của truyện? Giới thiệu những nét chính về tác giả?

+ Nêu xuất xứ của truyện***“ Ếch ngồi đáy giếng”***  *?*

*+* ***Truyện “ Ếch ngồi đáy giếng”***  *thuộc thể loại truyện gì? Nêu đặc điểm của thể loại truyện đó?*

+ ***Truyện“ Ếch ngồi đáy giếng”*** *thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính là gì?*

*+ Truyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có gì khác nhân vật trong truyện “ Đẽo cày giữa đường”.*

*+Tóm tắt cuộc trò chuyện của 2 nhân vật đó trong truyện ?*

**\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

*+ Những điều gì làm cho ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng sụp? Vì sao?*

**\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**

*+ Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa?*

*Ếch:…………………………………Nhận xét……………..*

*Rùa: ………………………………..Nhận xét……………….*

*+ Sự khác biệt ấy ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của 2 con vật ?*

*+ Vì sao con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối?*

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG 5’**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b) Nội dung:** GV đặt ra một trò chơi cho 2 đội thi : trong 3p viết tên các truyện ngụ ngôn lên bảng . Đội nào viết được nhiều sẽ thắng. Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu 2 đội chơi, mỗi đội 5 bạn lên viết tên các truyện ngụ ngôn trên bản trong tg 3p. Đội nào viết được nhiều sẽ thắng *.*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: HS trưng bày sản phẩm.**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV gọi hs nhận xét kq  + GV đánh giá kq của các đội  ***-> GV dẫn dắt vào bài Ếch ngồi đáy giếng: Truyện “ Ếch ngồi đáy giếng” có gì khác với vb “ Đẽo cày giữa đường” về cách kể và mang đến bài học gì cho cuộc sống của chúng ta? Chúng ta cùng đi tìm hiểu vb đó nhé.*** | - HS tham gia đội chơi lần lượt lên bảng viết tên truyện ngụ ngôn đã đọc , đã học  - Hs còn lại theo dõi cổ vũ và chấm điểm |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, xuất xứ, thể loại, giải nghĩa từ khó, cốt truyện, nhân vật trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chuẩn bị ở nhà , chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS làm việc cá nhân với câu hỏi sau:**  + Em hãy giới thiệu cách đọc văn bản ***“ Ếch ngồi đáy giếng”***  *?*  *-* GV hướng dẫn cách đọc: : to, rõ ràng. Thể hiện giọng của từng nhân vật:Ếch lúc đầu vui, tự hào, mãn nguyện khi kể về mình; giọng kể của rùa biển đông ôn tồn  + GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:  - HS lắng nghe  - **HS thảo luận cặp đôi với :**  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  + Em hãy cho biết ai là tác giả? Giới thiệu những nét chính về tác giả?  + Nêu xuất xứ của truyện***“ Ếch ngồi đáy giếng”***  *?*  *+* ***Truyện “ Ếch ngồi đáy giếng”***  *thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm?*  + ***Truyện“ Ếch ngồi đáy giếng”*** *thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính là gì?*  *+Truyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có gì khác nhân vật trong truyện “ Đẽo cày giữa đường”.*  *+ Tóm tắt cuộc trò chuyện của 2 nhân vật đó trong truyện ?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV chuyển ý: Vậy qua cuộc trò chuyện của 2 nhân vật chúng ta khám phá được bài học gì trong cuộc sống?** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **- *Trang Tử ( khoảng năm 369 - 286 trước Công Nguyên) là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc.***  ***2. Văn bản***  ***- Xuất xứ:*** Trích trong thiên “ Thu thủy”( thiên thứ 17) của cuốn sách Trang Tử( cuốn sách còn có tên gọi là Nam Hoa kinh)  - ***Thể loại***: Thuộc truyện ngụ ngôn  - **Kiểu văn bản** : tự sự  - **Nhân vật**: Con ếch giếng sụp và con rùa biển Đông ( nhân hóa như con người)  - **Tóm tắt tình huống truyện**:  + Ếch nói với rùa về những cảm nhận của mình khi sống ở trong giếng sụp với một niềm vui sướng tự mãn.  + Ếch mời rùa biển đông vào giếng để trải nghiệm nhưng rùa không vào được vì cái đùi bên phải đã bít cái giếng rồi.  + Rùa rút chân , lùi lại và nói với ếch những điều nó thấy về biển khiến ếch ngạc nhiên, thu mình lại và bối rối. |

**II. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung bài học và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, phiếu học tập số 2, 3.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Nhiệm vụ 1**   **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với \* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**  *+ Những điều gì làm cho ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng sụp? Vì sao?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV mở rộng và chuyển ý: Cảm nhận của ếch có đúng không? Vì sao? Nếu đặt trong hoàn cảnh của rùa ếch có còn cảm nhận như vậy không?**   * **Nhiệm vụ 2**   **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với**:  **\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**  *+ Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa?*  *+ Sự khác biệt ấy ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của 2 con vật ?*  *+ Vì sao con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối khi nghe rùa kể về biển?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **? Qua câu chuyện của con ếch em rút ra được bài học gì cho cuộc sống của mình?**   * **Nhiệm vụ 3: Gv hd hs hoạt động cá nhân**   **Nêu nội dung chính của truyện?**  **Chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc của truyện?**  **Truyện đã có ý nghĩa như nào đối với em và mọi người?** | **1.****Những điều khiến ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng sụp.**  + *Tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bởi trong nước thì nước đổ nách và cằm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá:*-> **sung sướng vì có cuộc sống tự do tự tại.**  + *Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi->* **sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình.**  + *Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tụ, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa:*-> **sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng**.  + *Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết****?:*-> sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về “thế giới trong giếng” của mình.**  **2. Biểu hiện của ếch khi nghe rùa kể về biển**  **- Sự khác nhau về môi trường sống của ếch và rùa*.***  *+ Ếch: sống trong giếng → nhỏ bé, hạn hẹp.*  *+ Rùa: sống ở biển Đông → rộng lớn, mênh mông.*  **- Nhận thức và cảm xúc của 2 con vật**  **+ Ếch:** Cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển.  **+ Rùa:** Lùi lại ->biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch. Và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm : “cái vui lớn của biển đông”.   * **Con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối khi nghe rùa kể về biển vì:**   + Ngạc nhiên: Sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch, khiến ếch hoàn toàn bất ngờ.  - Thu mình lại: Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển.   Hoảng hốt, bối rối: Cảm giác của ếch khi mất niềm tin (bối rối) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp (hoảng hốt) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại hơn những điều ếch đã từng biết.  **3. Bài học cuộc sống**  - Cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết,...  **III. Tổng kết**   * Truyện kể về cuộc trò chuyện của ếch giếng sụp và rùa biển đông . từ đó mang đến cho người đọc bài học quý giá về sự khiêm tốn, ý thức chăm chỉ học hỏi ở mọi nơi, mọi lúc để mở rộng hiểu biết * Nghệ thuật : nhân hóa sinh động ; tình huống truyện thú vị, ngôn ngữ kể tả hấp dẫn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs, bài viết của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:*

*+ Khi đọc 1truyện ngụ ngôn em cần chú ý đến những yếu tố nào?*

*+ Nêu bài học em nhận được từ câu chuyện trên?*

*+ Nêu điểm giống nhau về nội dung của truyện “ Đẽo cầy giữa đường” và truyện “ Ếch ngồi đáy giếng”*

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ lựa chọn câu trả lời.

**\* Báo cáo thảo luận: hs trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đẽo cày giữa đường** | **Ếch ngồi đáy giếng** |
| “dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), cần cẩn trọng trước khi làm một việc gì đó... | cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết,... |

**\* Kết luận nhận định**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:*  **Viết đoạn văn 5-7 câu có sử dụng thành ngữ “ Ếch ngồi đáy giếng”**

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS làm theo hướng dẫn của GV

- GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, cảm xúc chân thật

**\* Báo cáo thảo luận:**

**-** HS trình bày bài viết trước lớp

- Hs nhận xét bổ sung

**\* Kết luận nhận định**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. PHỤ LỤC**

**(\* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Con vật** | **Ếch** | **Rùa** |
| **Môi trường sống** | - một cái giếng sụp-> Không gian hẹp), vận động trong khoảng không gian hẹp (chỉ từ miệng giếng vào đến trong giếng), tiếp xúc với những con vật nhỏ bé (lăng quăng, cua, nòng nọc), nên chưa hề biết tới sự rộng lớn và bao điều mới lạ khác của thế giới bên ngoài. | - biển đông-> Không gian rộng , sống lâu (nên lớn đến nỗi không vào nổi trong giếng), chứng kiến nhiều điều (rùa đã đi đây đi đó, chí ít là đã băng qua con đường từ biển tới nơi có cái giếng),... |
| **Nhận thức và cảm xúc** | Cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển. | Lùi lại (biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch) và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm (“cái vui lớn của biển đông”). |
|  |  |  |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** HS nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong cầu.

- HS hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó, phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: *GV cho HS đọc lại định nghĩa về thành ngữ trong mục Tri thức ngữ văn ở SHS, trang 5. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về thành ngữ?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *Gv dẫn dắt:* Thảnh ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố. | HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của thành ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 :**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và đặt câu trong các trường hợp  **Câu hỏi 1:**Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau: (HĐ cá nhân)  *a. Tất cả những cái đó cám dỗ tôi hơn là quy tắc về phân tử; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.*  (An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet), Buổi học cuối cùng)  *b. Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyến núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.*  (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  **Câu trả lời:**  a. ba chân bốn cẳng: vội vã tất tưởi.  b. chuyển núi dời sông: việc cực kì vĩ đại, lớn lao  ? Qua đây em có nhận xét gì về thành ngữ?  **Câu hỏi 2:** Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét:  (HĐ cá nhân)  HS trình bày phương án thay thế của mình (GV cho HS viết lên bảng). GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, trao đổi, so sánh các phương án thay thế để rút ra nhận xét về sự khác biệt giữa cầu sử dụng thành ngữ và câu dùng từ ngữ có nghĩa tương đương.  *a. Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng****đi đời nhà ma****sạch.*  (Đẽo cày giữa đường)  *b. Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì****thượng vàng hạ cám****, việc gì cũng phải làm.*  (Vua chích chòe)  **Câu trả lời:**  a. đi đời nhà ma → mất cả  b. thượng vàng hạ cám → tất cả mọi thứ, từ quý giá đến loại tầm thường, rẻ rúng nhất  Nhận xét: Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa tương đương thành ngữ khiến câu văn dài, lủng củng hơn. Như vậy, thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.  **Câu hỏi 3:** Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường ở hai trường hợp sau:  *a. Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đẽo cày giữa đường.*  *b. Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.*  **Câu trả lời:**  - Việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường ở trường hợp (a) chưa hợp lí. Vì đẽo cày giữa đường nói đến hành động một cách thiếu chủ kiến, quá bị động bởi ý kiến của những người xung quanh nên cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì trong khi câu thứ nhất ở trường hợp (a) chỉ cho thấy đối tượng giao tiếp được nhiều người góp cho những ý kiến hay mà không nói anh ta có thiếu chủ kiến hay bị động hay không.  - Việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường ở trường hợp (b) là hợp lí. Vì người nói đã nhận được người ý kiến của người khác, nhưng còn đang phân vân, chưa đưa ra được chủ kiến của mình.  **Câu hỏi 4:** Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong số các thành ngữ sau:  Với bài tập này, tất cả HS đểu có nhiệm vụ đặt câu sử dụng thành ngữ theo yêu cầu. GV có thể gọi một số HS lên bảng viết câu đã đặt, cho HS trong lớp đối chiếu với cầu của minh để nhận xét, trao đổi. Qua thảo luận của HS, GV chốt lại những cầu đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn chỉnh sửa những câu chưa đạt. Có hai tiêu chí đánh giá: sự hợp lí của cách dùng thành ngữ và việc đảm bảo quy tắc ngữ pháp của câu.  *a. Học một biết mười*  *b. Học hay, cày biết*  *c. Mở mày mở mặt*  *d. Mở cờ trong bụng*  **Câu trả lời:**  a. Bạn ấy đúng là học một biết mười.  b. Học tập phải gắn liền với thực tiễn, như thế mới có thể học hay, cày biết.  c. Anh ấy mới giành được học bổng toàn phần ở Mỹ, làm cho cả nhà được mở mày mở mặt.  d. Khi nghe cô giáo đọc đáp án bài thi, An như mở cờ trong bụng.  **Bước 2: HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + Dự kiến sản phẩm: HS rút ra khái niệm thành ngữ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - GV củng cố kiến thức: | **I. Trạng ngữ**  **1. Xét ví dụ**  **2. Nhận xét**  - Thảnh ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  - Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiếu hên tưởng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1: Bài 1:** Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ dưới đây:  - Biết bao bướm lả ong lơi Cuộc vui suốt tháng, trận cười suốt đêm.  - Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non.  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV2**  **Bài 2:**Hãy sưu tầm các thành ngữ khác mà em biết  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2,  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài tập 1/**  **Gợi ý trả lời**  Thành ngữ bướm lả ong lơi: chỉ những người cợt nhả gợi tình một cách lả lơi qua lời nói, cử chỉ (thể hiện quan hệ nam nữ).  Thành ngữ bảy nổi ba chìm có nghĩa chỉ cuộc đời con người gian nan, lận đận, lênh đênh, gian truân, lúc sướng khổ.  **Bài 2/ trang 57**  **Gợi ý trả lời**  Ao sâu cá cả  Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra  Biết đâu ma ăn cỗ  Bụt chùa nhà không thiêng  Góp gió thành bão  Trứng khôn hơn vịt  Lưỡi sắc hơn gươm  Thùng rỗng kêu to  Trăm nghe không bằng mắt thấy |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV3:** Viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 1 thành ngữ?

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3

- GV hướng dẫn HS

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

+ HS viết đv

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức:

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

1. **VIẾT**

**TIẾT VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**I. PHÂN TÍCH YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* HS chọn được vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tán thành của bản thân trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.
* Ý kiến tán thành phải được trình bày thành một bài văn nghị luận hoàn chỉnh; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phải có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vắn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

* Vấn đế được nêu ra để bàn luận phải có ý nghĩa đối với cuộc sống, việc thể hiện ý kiến tán thành (bằng bài văn nghị luận) là cần thiết, không chỉ đối với nhận thức của cá nhân mà còn nhằm tác động tích cực đến mọi người.
* Bài văn trình bày ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống trước hết thể hiện chủ kiến của bản thân người viết, nhưng chủ kiến đó phải hướng tới những tiêu chuẩn chung về lẽ phải, sự thật, ý nghĩa đích thực của vấn để, tránh thiên kiến cá nhân và tránh chủ quan.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:**  Biết được kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống( trình bày ý kiến tán thành)  **b)Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV hỏi:**  ? Nhắc lại khái niệm kiểu bài nghị luận đã học ở lớp 6?  ? Nêu các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận?  ? Trong cuộc sống, có những hiện tượng (vấn đề) nào mà em quan tâm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  - Ôn lại kiến thức về văn bản nghị luận đã học ở lớp 6.  - Suy nghĩ cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV và HS)**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  GV chuyển vào vấn đề: Các vấn đề trong đời sống luôn đa dạng, phức tạp và thường được đánh giá khác nhau, tuỳ cách nhìn nhận của mỗi người. Sự trung thưc của con người thể hiện ở thái độ biết tán thành những ý kiến đúng, phản đối những ý kiến sai trái. Phần Viết của bài học này yêu cầu em bàn luận về một vấn đề trong đời sống, theo hướng trình bày ý kiến tán thành. Sự tán thành dĩ nhiên phải được đặt trẻn cơ sở những nguyên tầc ứng xử và nền tảng đạo lí thích hợp, cũng như sức thuyết phục của ý kiến tuỳ thuộc vào những lí lẽ và bằng chứng được sử dụng. | - Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề  - Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận: lí lẽ, bằng chứng. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**  **VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG( TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)** | |
| a)**Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống( trình bày ý kiến tán thành):  - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.  - Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ  b) **Nội dung:**  - GV chia cặp, giao nhiệm vụ.  - Cho HS làm việc theo cặp.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia cặp và giao nhiệm vụ:  GV có thể nêu một số câu hỏi, giải đáp những câu hỏi đó sẽ làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống:  *- Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?*  *- Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?*  - Ý *kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?*  *- Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  - HS suy nghĩ.  - Làm việc theo cặp 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu.  **B3: Báo cáo, thảo luận(GV và HS)**  - GV yêu cầu đại diện HS lên trình bày sản phẩm.  - HS:  + Trình bày sản phẩm nhóm.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | - Vấn đế đời sống được nêu để bàn luận phải rõ ràng, xác đáng.  - Nêu được một quan niệm về vấn đề để bàn luận.  - Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết vể quan niệm đã nêu.  - Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Nắm được bài viết tham khảo “Trường học đầu tiên”  - Tán thành với ý kiến: Gia đình cũng là một trường học.  - Mục đích của việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận.  **b)Nội dung:**  - HS đọc SGK, làm việc cặp đôi.  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV mời HS đọc bài viết tham khảo**  -GVphát phiếu học tập và giao nhiệm vụ.  *1, Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận*?  *2, Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?*  *3, Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?*  *4, Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến ?*  *5, Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 1’, trao đổi với nhóm 2’, hoàn thành phiếu học tập 2’  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện HS trình bày (mỗi đại diện có thể trả lời 1 câu hỏi)  - Những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV:  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS  + Sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức qua màn hình chiếu và kết nối với mục sau. | **Bàiviết tham khảo**: *Trường học đầu tiên*  - Bài viết nêu vấn đề: Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.  - Ý kiến của bạn Hồng Minh thu hút sự chú ý: Gia đình cũng là một trường học.  - Người viết tán thành với ý kiến đó. *(Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.)*  - Lí lẽ: Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.  - Bằng chứng củng cố cho lí lẽ: Người viết nhớ lại một kỉ niệm: giơ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhó vể thái độ trong giao tiếp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a)Mục tiêu:** HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Thể hiện ý kiến của bản thân trước vấn đề nghị luận.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.  **b)Nội dung:**  **-** HS lựa chọn đề tài thông qua hướng dẫn của GV.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  - HS tự tìm một vấn đề nào đó có tác động đến suy nghĩ, đời sống của bản thần để viết bài. Đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: *phải là vân đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết; có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ đứt khoát đối với văn đề đó.*  - Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn  - Sửa lại bài sau khi đã viết xong  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  GV:  - Đặt câu hỏi hướng dẫn HS chọn đề tài.  - Phát phiếu học tập, hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  - Phát phiếu học tập hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết của bạn sau khi nghe bạn trình bày.  HS:  - Tham khảo đề tài trong SGK và lựa chọn đề tài sau đó trả lần lượt trả lời câu hỏi dưới sự gợi ý của GV.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu học tập.  - Lập dàn ý ra giấy  - Nêu lưu ý khi viết bài.  - Viết bài theo dàn ý.  - Chỉnh sửa bài viết cho bạn vào phiếu học tập sau khi nghe bạn trình bày.  - Sửa lại bài sau khi được góp ý.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả tìm ý  - HS trình bày  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) vào phiếu học tập.  - GV trình chiếu khung dàn ý mẫu.  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo 3 phần: MB, TB, KB.  - Lưu ý khi viết bài?  - HS hoàn thiện bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.  - GV dẫn dắt và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**  **Phiếu tìm ý:**   |  |  | | --- | --- | | Vấn đề gì được nêu để bàn luận? |  | | Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào? |  | | Ý kiến nào đáng được quan tâm nhất? |  | | Vì sao bày tỏ thái độ tán thành? |  | | Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Nêu vấn đề đời sống cần bàn trong bài nghị luận.  - *Thân bài*:  + Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề.  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  **.** Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  **.** Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  **.** Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)  …  - *Kết bài*: Rút ra ý nghĩ của ý kiến được tán thành.  **2. Viết bài**  - Viết theo dàn ý.  - Có thể mở bài trực tiếp: nêu thẳng hiện tượng (vấn đề) hoặc gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện.  - Mỗi ý trình bày thành 1 đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỈNH SỬA BÀI VIẾT** | |
| a)**Mục tiêu:** HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho bản thân và cho bạn.  b)**Nội dung:**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết cho bạn.  - GV trả bài, yêu cầu HS đối chiếu với các yêu cầu đã nêu và góp ý của bạn để chỉnh sửa bài viết của mình.  - HS đọc bài viết, đối chiếu và chỉnh sửa.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS và yêu cầu HS đọc, chỉnh sửa và nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ(GV và HS)**  - GV giao nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn vào phiếu học tập.  - HS nhận xét bài viết.  - HS hoàn thiện bài viết sau khi được góp ý.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung rà soát** | **Hướng dẫn chỉnh sửa** |
| Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa? | Nếu ý kiến chưa nêu rõ ràng trong phần mở bài thì phải bổ sung. |
| Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa? | Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt. |
| Việc tán thành ý kiến đã có sứa thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không? | Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục. |
| Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa? | Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt. |
| Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa? | Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc. |

1. **NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Về kiến thức:***

Kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ ba.

- Biết cách nói và nghe phù hợp tường thuật theo lối kể chuyện thông thường.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc,có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt***  *(Dưới 5 điểm)* | ***Đạt***  *(Từ 5-7 điểm)* | ***Tốt***  *(Từ 8-10 điểm)* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết . | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng.. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi& nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng cuả truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể.  **2. Tập luyện**  **-** Tập nói một mình.  - Luyện nói theo nhóm cặp.  - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ... |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu:  - HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - - Học sinh đọc lại,nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng cuả truyền thuyết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết).  + Nội dung nói đảm bản các sự việc chính theo trình tự nhất đinh, có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai một trong các nhân vật Thánh Gióng, Sơn tinh, Thủy Tinh, Vua Hung...kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Sưu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học. So sánh và nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổchứcthựchiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| **1** | Chủ đề |  |
| **2** | Nhân vật |  |
| **3** | Cốt truyện |  |
| **4** | Lời kể |  |
| **5** | Yếu tố kì ảo |  |

Bài tập 2: Viết đoạn văn tưởng tượng cách kết thúc khác của truyền thuyết *Thánh Gióng* và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy và nêu tác dụng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổchứcthựchiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Tìm hiểu, giới thiệu một số tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*?

Bài tập 2: Theo em vì sao hội thi thể thao trong trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khỏe Phù Đổng*?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định(GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI 1**

**Phiếu số**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt***  *(Dưới 5đ)* | ***Đạt***  *(Từ 5-7 điểm)* | ***Tốt***  *(Từ 8-10 điểm)* |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa biết lựa chọn truyền thuyết . | Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng. | Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng.. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**Phiếu số**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| **1** | Chủ đề |  |
| **2** | Nhân vật |  |
| **3** | Cốt truyện |  |
| **4** | Lời kể |  |
| **5** | Yếu tố kì ảo |  |

**Bài 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

*Ngày soạn:.................*

*Ngày dạy:...................*

**A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN**

**I. NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**1. Đọc:**

**\* Đọc – hiểu các văn bản***:*

- VB1: Cuộc trạm chán trên đại dương(Guyn Véc- nơ);

- VB 2: *Đường vào trung tâm vũ trụ* ( Hà Thuỷ Nguyên);

- VB 3: Dấu ấn Hổ Khanh (Nhật Văn)

**\*Thực hành tiếng Việt:** Mạch lạc và liên kết văn bản, công dụng của dấu chấm lửng.

**2. Viết:** Viết đoạn văn kể lại một nhân vật có thật.

**3. Nói và nghe:** Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.

**4. Củng cố, mở rộng:**

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD**

|  |  |
| --- | --- |
| Đọc và thực hành tiếng Việt | 8 tiết |
| Viết | 3 tiết |
| Nói và nghe | 1 tiết |

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. NĂNG LỰC** | |
| **Năng lực chung** | Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. |
| **Năng lực đặc thù** | *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  - **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản Khoa học viễn tưởng:  + Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật. không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.  + Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.  + Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.  + Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận. |
| **II. PHẨM CHẤT**  + Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng,  + Biến ước mơ tốt đẹp thành hiện thực. | |

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

**D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Hoạt động 1.Khởi động**

1. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học;tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết, trí tưởng tượng phong phú của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

2. Nội dung: HS vận dụng kiến thức liên môn, trí tưởng tượng và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trảlời câu hỏi.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thựchiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ: *Hãy kể tên những nhà khoa học và những phát minh vĩ đại của họ với nhân loại mà em biết?*  *Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, dựa vào những hiểu biết của các em về cuộc sống trên Trái Đất hiện nay bày tỏ ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  **Báo cáo, thảo luận:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **Kết luận, nhận định:**  – GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về mơ ước của bản thân mình, kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Chạm trán giữa đại dương” ở nhà, em có biết đó là cuộc chạm trán gì không? Em có nghĩ với khả năng của con người hiện nay cuộc chạm trán đó có thể xảy ra được không? Vì sao?*  –GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo trí tưởng tượng của mỗi hs). |

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và cho biết:  *1)* *Bài học 1 gồm những văn bản đọc chính nào?*  *2) Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?*  *3) VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *4) Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 1?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học. | **1. Đọc:**  **\* Đọc – hiểu các văn bản***:*  - VB1: Cuộc trạm chán trên đại dương(Guyn Véc- nơ);  - VB 2: *Đường vào trung tâm vũ trụ* ( Hà Thuỷ Nguyên);  - VB 3: Dấu ấn Hổ Khanh (Nhật Văn)  **\*Thực hành tiếng Việt:** Mạch lạc và liên kết văn bản, công dụng của dấu chấm lửng.  **2. Viết:** Viết đoạn văn kể lại một nhân vật có thật.  **3. Nói và nghe:** Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người. |

**2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về một số yếu tố cơ bản của thể loại truyện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện như: đề tài, chi tiết, nhân vật,…

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  **(Chuẩn bị ở nhà)** | |
| 1.Thế nào là truyện khoa học viễn tưởng? . | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng với truyện kì ảo? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 3. Tìm các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng. | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 4. Nêu đề tài và nguồn gốc của truyện khoa học viễn tưởng? | ……………………………………………….  ……………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Khám phá tri thức ngữ văn** | |
| **NV1: Tìm hiểu về đề tài và chi tiết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS đọc phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1.Thế nào là truyện khoa học viễn tưởng?*  *2. Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng với truyện kì ảo?*  *3. Tìm các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng.*  *4. Nêu đề tài và nguồn gốc của truyện khoa học viễn tưởng?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **Dự kiến sản phẩm của HS:** | **1. Đề tài và chi tiết**  **a. Đề tài**  \****Khái niệm***: Truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm: “... miêu tả một thực tại tưởng tượng.  \****Phân biệt truyện khoa học viễn tưởng và truyện kì ảo:*** Truyện kì ảo là “một thể loại hư cấu bậc cao. Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật  **\* Các yếu tố của Truyện khoa học viễn tưởng**.  + Đề Tài  + Không gian.  + Cốt truyện.  + Nhân vật chính.  **\*Nguồn gốc**: Truyện khoa học viễn tưởng bắt nguồn từ phương Tầy ở thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỉ XX. Ở Việt Nam, phải đến thế kỉ XXI, khi khoa học công nghệ phát triển, thể loại này mới thực sự khởi sắc. |

***II.* ĐỌC VĂN BẢN 1: CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG**

**(Trích** *Hai vạn dặm dưới đại đương* **- Giuyn Vec-nơ)**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm cần đạt |
| **1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung**  – Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Giuyn Vec-nơ (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1).  – Hướng dẫn HS bước đầu định hướng cách đọc văn bản *Chạm trán giữa đại dươn*: *Em đã biết thế nào là truyện, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật… Dựa vào những hiểu biết này, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu văn bản “Chạm trán giữa đại dương”?*  **2. Khám phá văn bản**  **a. Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện**  **Giao nhiệm vụ:**  – GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết đề tài, ngôi kể, nhân vật trong truyện.  – GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Dựa trên kết quả của phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời câu chuyện trong văn bản *Chạm trán giữa đại dương*.  – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc văn bản ở nhà và tóm tắt cốt truyện, em hãy chọn đọc một đoạn trong văn bản mà em thấy lý thú nhất; chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với đoạn đó; chỉ ra tác dụng của các thẻ chỉ dẫn trong đoạn VB em đọc (nếu có).  – GV yêu cầu HS trao đổi về những từ ngữ khó trong VB.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS trả lời câu hỏi.  – HS đọc diễn cảm một số đoạn được chọn trong VB, chú ý sử dụng các thẻ chỉ dẫn đọc ở bên phải VB.  – Tìm hiểu nghĩa của các từ khó, ghi lại những từ chưa hiểu; vận dụng các câu hỏi trong khi đọc để hiểu VB.  **Báo cáo, thảo luận:**  – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm.  – HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về đề tài, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện.  **b. Tìm hiểu về cuộc** *Chạm trán trên đại dương*  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm. Một số nhóm thực hiện phiếu học tập số 3 tìm hiểu về hình dáng của con cá và cuộc đuổi bắt, đọ sức với "nó"  **Thực hiện nhiệm vụ:**  –HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.  –GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3 và thảo luận.  **Kết luận, nhận định:**  – GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.  **c. Tìm hiểu cuộc chạm trán đầy bất ngờ**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc đoạn cuối truyện và thực hiện các nhiệm vụ sau:  Học sinh hoàn thành các phiếu học tập 4 bằng hình thức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm  – *Em hãy hình dung mũi lao trong tay Net đã đâm trúng gì vậy?*  *- Ba nhân vật của chúng ta đã phát hiện ra điều gì bất ngờ*  *- Cuộc chám trán bất ngờ trên đại dương đã dẫn ba nhân vật Pi-e A-ro-nac, Nét Len, Công xây vào cuộc phiêu lưu trong không gian nào? Lúc ấy, không gian này quen thuộc hay xa lạ với họ?*  Gv: Năm 1868 khi Giuyn Vec-nơ hoàn thành *Hai vạn dặm dưới biển* thì điện năng còn là một điều vô cùng xa lạ với con người, nó chưa phải là năng lượng chủ yếu của công nghiệp thời bấy giờ  *- Nhan đề "Hai vạn dặm dưới biển" đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Vec-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào?*  Gv: Với tài năng và trí tưởng tượng của mình Giuyn Vec-nơ đã thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ.  Và sau gần hai thế kỉ chiếc tàu ngầm và nguồn năng lượng điện năng đã không còn xa lạ đối với nhân loại và điều đó đã chứng minh lý tưởng của ông, ước mơ của ông, khát vọng của ông không phải là những ý tưởng viển vông.  GV nhắc các em chú ý một trong những đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng: Khoa học chính là “cái lõi sự thực” của những cầu chuyện viễn tưởng.  *- Theo em nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?*  Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở khoa học về công nghệ chế tạo tàu biển. Vào thời điểm Giuyn Véc-nơ cho ra đời tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biền,* thế giới đã có tàu chạy dưới mặt nước nhưng vô cùng thô sơ (di chuyển chậm nhờ mái chèo), không hiện đại và tối tân như tàu ngẩm Nau-ti-luýt (chạy bằng động cơ điện với vặn tốc rất cao).  *- Việc để cho một nhà khoa học vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất sẽ có tác dụng gì?*  Người kể chuyện ngôi thứ nhất đổng thời la vị giáo sư, trực tiếp xuất hiện và tham gia vào diễn biến cốt truyện, vì thế cầu chuyện vể chiếc tàu ngầm tối tần được kể lại mang tính khoa học cao. Những kiến thức hay lập luận của nhân vật người kể chuyện vể các vấn đề ki thuật, công nghệ và đại dương vừa đảm bảo tính chính xác vì tuân theo lô-gíc khoa học, vừa đảm bảo sức hấp dẫn nhờ trí tưởng tượng phong phú của nhà văn.  *- Nếu để Nét Len hay Công-xầy đảm nhiệm chức năng người kể chuyện thì cầu chuyện sẽ phát triển theo hướng nào?*  Hẳn là cầu chuyện sẽ thiếu đi sức hấp dẫn của những kiến thức uyên bác vế kĩ thuật và thế giới tự nhiên qua điểm nhìn của một nhà khoa học.  *- Liệt kê những câu văn thể hiện tư duy logic đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn kể lại những phán đoán của nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nac - người kể chuyện - về chiếc tàu ngầm?(* **Hs hoàn thành câu hỏi bằng cách điền vào sơ đồ trong phiếu học tập số 4)**  *- Đề tài của tác phẩm Hai vạn dặm dưới biển là gi? Hiện nay, đề tài đó có còn nhận dược sự quan tâm đặc biệt của chúng ta nữa hay không? Vì sao?*  *- Theo em, con người cần làm gi để vừa chinh phục dại dương vừa không làm ảnh hưởng môi trường biển?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  –-HS đọc và tự chọn chi tiết ấn tượng nhất đối với bản thân.HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm  –GV gợi ý HS tự đặt mình vào hoàn cảnh nhân vật để lí giải.  **Báo cáo, thảo luận:**  HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.  **Kết luận, nhận định:**  –GV nhận xét, đánh giá chung, nhấn mạnh những chi tiết hay, những cách cảm nhận, lí giải sâu sắc và tinh tế.  –Liên hệ thực tế, gợi dẫn đến trí tưởng tượng, óc sáng tạo, khát vọng chinh phục những điều kì bí trong vũ trục bao la của con người nhằm biến những điều không thể thành điều có thể trong tương lai…  **3. Tổng kết**  – *Nêu nội dung chính của truyện “Chạm trán trên đại dương”.*  *– Điều gì đã làm nên sức hấp hẫn của truyện?*  – *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?*  GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài. | **1. Tìm hiểu chung**  a. Tác giả  – Giuyn Vec-nơ (1828 - 1905) là nhà văn người Pháp  –Ông được xem là "cha đẻ" của thể loại truyện khoa học viễn tưởng  b. Cách đọc hiểu văn bản truyện  **2. Khám phá văn bản**  **a. Tìm hiểu đề tài, ngôi kể, nhân vật, cốt truyện**  – Truyện kể về cuộc rượt đuổi rồi đọ sức giữa tàu chiến với "con cá" và sự thật bất ngờ về "con cá" đó  – Đề tài về khoa học viễn tưởng  – Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật tôi (giáo sư) ngôi thứ nhất  – Các sự kiện chính trong câu chuyện:  + Mọi thứ đã sẵn sang để nghênh chiến và cuộc rượt đuổi với "con cá"  + Cuộc đọ sức giữa tàu chiến với "con cá"  + Những phán đoán và sự thật bất ngờ về "con cá" đó  – Giải thích nghĩa của từ được chú thích trong SGK. HS có thể nêu thêm những từ khó khác.  **b. Cuộc đuổi bắt và đọ sức với "con cá"**  **Hình dáng của "con cá"**  **-** Màu sắc: có ánh điện  - Dài không quá 80 m  - Hình dáng: cân đối cả 3 chiều  - Hoạt động: đuôi quẫy sóng mạnh chưa từng có; khi thở hai lỗ mũi vọt ra hai cột nước khổng lồ cao đến 40 m.  **Cuộc đuổi bắt**  - Kéo dài ít nhất 45 phút  - Tốc độ của con tàu tối tân không theo kịp "con cá"  - "Nó" không tỏ vẻ gì mệt mỏi  **Cuộc đọ sức**  - Tàu kêu răng rắc  - Tất cả các thành viên trên tàu đều bị văng xuống biển chìm nghỉm  Nx: Hình dáng lạ lùng, sức mạnh khủng khiếp  c. Cuộc chạm trán đầy bất ngờ  Cuộc chạm trán trên đại dương dẫn ba nhân vật: Pi e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu trước tiên là trong khoang chiếc tàu ngầm và sau đó là dưới đáy biển sầu. Lúc ấy, không gian này hoàn toàn xa lạ với họ  **-** Thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục đại dương của con người lúc bấy giờ  **-** Dựa trên cơ sở hiện thực là khoa học về công nghệ chế tạo tàu biển.  **3. Tổng kết**  – Truyện kể về cuộc thám hiểm trên đại dương của giáo sư Pi-e A-rôn-nac cùng hai trợ thủ của ông và cuộc chạm trán đầy bất ngờ của họ trên đại dương.  – Về sức hấp dẫn của truyện:  + Sự khám phá đầy bất ngờ và thú vị của các nhà thám hiểm khác xa với sự hình dung và tưởng tượng của người đọc lúc đầu  + Nghệ thuật miêu tả tinh tế đầy sức hấp dẫn và lôgic  –HS nêu nhận thức riêng về sự tác động của truyện đến bản thân. |

**Hoạt động 3. Luyện tập**

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung: HScủng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

3. Sản phẩm: Đoạn văn của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **1. Luyện tập đọc hiểu**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: *Khi đọc một VB truyện, em cần chú ý những yếu tố nào?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  ­HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện nhiệm vụ.  **Báo cáo, thảo luận:**  Khoảng 3, 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn.  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm, nhấn mạnh cho HS một số kĩ năng đọc hiểu.  **2. Viết kết nối với đọc**  **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS:*Viết đoạn văn (khoảng 5* –*7 câu)* *kể tiếp (theo tưởng tượng của em) vé sự kiện diẽn ra sau tinh huống nhân vật “tôi”, Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngâm.*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  Hướng dẫn HS chọn nhân vật kể, ngôi kể; lựa chọn giọng kể phù hợp, đảm bảo sự việc, đầy đủ chi tiết. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.  **Báo cáo, thảo luận:**  Một sốHS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn. Các tiêu chí có thể như sau:  ­–Nội dung: Có thể tưởng tượng ra những tình huống mà 3 nhân vật gặp phải khi vào bên trong con tàu ngầm, tận mắt chứng kiến những thiết bị hiện đại, giải đáp những thắc mắc của họ lúc trước về con tàu này…  ­–Ngôi kể: Sử dụng ngôi kể thứ nhất  ­–Chính tả và diễn đạt: Đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt  ­–Dung lượng; Đoạn văn khoảng 5- 7 câu  **Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS. | – Câu trả lời:  + Cần chú ý đề tài để có định hướng đọc hiểu đúng.  + Chú ý các sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu về nhân vật (lời nói, cử chỉ, hành động,…) để hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện.  Đoạn văn của HS bảo đảm đúng yêu cầu. |

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Vẽ tranh, tự chọn đọc một VB truyện có chủ đề về thế giới tuổi thơ.

3. Sản phẩm: Nhật kí đọc sách.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà:  – *Vẽ tranh thể hiện phát minh vĩ đại của con người trong tương lai*  *–Tìm đọc một truyện ngắn có chủ đề về khoa học viễn tưởng và điền thông tin phù hợp vào nhật kí đọc sách do em thiết kế theo mẫu gợi ý. Chuẩn bị chia sẻ kết quả đọc mở rộng của em với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp.*  **Thực hiện nhiệm vụ**:  HS tự tìm đọc một truyện ngắn theo yêu cầu, nhận biết đề tài, chi tiết, ấn tượng chung về nhân vật và ghi lại kết quả đọc vào nhật kí đọc sách; chuẩn bị trao đổi kết quả đọc ở tiết Đọc mở rộng. | –Tranh vẽ của HS.  –Nhật kí đọc sách, chuẩn bị cho phần trao đổi ở tiết Đọc mở rộng. |

**Phụ lục phiếu học tập**

Phiếu học tập số 2

**1.Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn Giuyn Vec-nơ**

Điều em tìm hiểu được về nhà văn Giuyn Vec-nơ:

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..*

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….*

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**2.. Hãy chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu của em sau khi đọc văn bản *Chạm trán giữa đại dương***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

.

|  |
| --- |
| *Ngày soạn*  *Ngày dạy:* |

**Bài 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

TIẾT 12, 13. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB. (Trước ý kiến về một vấn đề đời sống được bàn luận (liên quan đến chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành* của bài học), người nghe có thể tán thành hay phản bác. Thói quen trao đổi như thế là rất cần thiết. Được tán thành, người nói sẽ thấy tự tin hơn vì những điều minh trình bày có sức thuyết phục. Gặp sự phản bác, người nói cần kiểm tra lại ỷ kĩến của minh, biết điều chỉnh nếu thấy chưa đúng và biết cách bảo vệ nếu thấy xác đáng.)

- HS biết chọn một vấn đề gần gũi có có ý nghĩa trong đời sống: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để học, yêu cầu bảo vệ môi trường để trình bày ý kiến của mình. Bài nói cần đảm bảo các thao tác lập luận: Sử dụng lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết lắng nghe một cách tích cực: Tóm tắt được nội dung bài nói và phản hồi tích cực về bài nói của người trình bày..

- Biết đặt bản thân vào tình huống và giải quyết được tình huống cụ thể.

**-** Học sinh trình bày được ý kiến cảm nhận về một hiện tượng (vấn đề) đời sống mà mình lựa chọn. Làm chủ được tình cảm, có hành vi ứng xử phù hợp trước các tình huống trong đời sống.

**2. Phẩm chất**:

- Học sinh biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, biết cảm thông chia sẻ với những người xung quanh, tôn trọng sự khác biệt về cách nhìn nhận, đánh giá của người khác về hiện tượng (vấn đề) đời sống.

- Học sinh có tinh thần tự học, rèn luyện để diễn đạt đúng và hay, hoàn thành các nhiệm học tập, chăm đọc sách báo và các kênh thông tin để có cái nhìn đúng về hiện tượng (vấn đề) đời sống.

- Thẳng thắn trong việc thể hiện suy nghĩ, tình cảm của mình, yêu lẽ phải, trọng chân lý.

- Dám chịu trách nhiệm về lời nói, có thái độ và hành vi tôn trọng quy định chung nơi công cộng, ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án; Phiếu bài tập.

- Các phương tiện: Máy chiếu, tranh ảnh minh họa.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**đọc trước bài ở nhà và hoàn thành phiếu học tập

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, tiếp cận với nội dung bài học.

**b) Nội dung:** *chiếu hình ảnh về những cuốn sách giáo khoa bị tô vẽ lem nhem vào đó.* HS thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Phương pháp đàm thoại, gợi mở.**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS xem *chiếu hình ảnh về những cuốn sách giáo khoa bị tô vẽ lem nhem vào đó*  *? Các hình ảnh trên nói về vấn đề gì? Nêu suy nghĩ của em về vấn đề trên?*  - HS hoạt động cá nhân.  - HS trình bày chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Trong sinh hoạt, học tập hàng ngày có rất nhiều hiện tượng (vấn đề) đang được quan tâm. Cùng là 1 vấn đề nhưng có nhiều cách nhìn nhận khác nhau… Bài học hôm nay chúng ta cùng trình bày bài nói về 1 hiện tượng (vấn đề) trong đời sống. |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a) Mục tiêu:**

* - HS biết chọn một vấn đề gần gũi có có ý nghĩa trong đời sống:
* + Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.

+ Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.

+ Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.

+ Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.

- Bài nói cần đảm bảo các thao tác lập luận: Sử dụng lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết lắng nghe một cách tích cực: Tóm tắt được nội dung bài nói và phản hồi tích cực về bài nói của người trình bày..

**b) Nội dung:**

- Thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Học sinh biết lựa chọn tìm hiểu một hiện tượng (vấn đề), thực hiện nhiệm vụ cá nhân, hoạt động nhóm *(nhóm đôi, nhóm lớn).*

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS trong thực hiện nhiệm vụ học tập và phiếu học tập.

- Bài nói và phần hồi về bài nói của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Phương pháp đàm thoại, gợi mở; kĩ thuật nhóm đôi, nhóm lớn**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ (PHT số 1)**  - GV: Ở tiết viết giáo viên đã yêu cầu học sinh về nhà viết 2 vấn đề. Đưa ra 2 vấn đề sau cho HS lựa chọn và hướng học sinh lựa chọn vấn đề 2.  + Vấn đề 1: Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.  + Vấn đề 2: Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, minh có thể viết, vẽ vào đó.  - GV cho HS lập dàn ý vấn đề 2 theo gợi ý:  *+ Với phần mở đầu em giới thiệu gì về sách giáo khoa?*  *+ Em hiểu như thế nào về việc bảo vệ sách giáo khoa?*  *+ Giá trị của những cuốn sách giáo khoa với mỗi bạn học sinh ? (giá trị về kinh tế và giá trị về tri thức).*  *+ Tác hại của việc không giữ gìn sgk (về kinh tế, về tinh thần)?*  *+ Em đã lèm gì để giữ gìn skg sạch đẹp, em đưa ra lời khuyên ntn đối với các bạn chưa biết bảo vệ sgk sạch đẹp ?*  - HS hoạt động cá nhân  - HS trả lời từng câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Dự kiến sản phẩm:  **\* Dàn ý:**  **a. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề bảo vệ sách giáo khoa.  **b. Thân bài:**  - SGK là gì?  - Vai trò của sách giáo khoa đối với người học.  - Nêu tác hại của việc không bảo vệ SGK (tô vẽ bậy lên sách)  - Lời khuyên về cách bảo vệ, giữ gìn sgk  **c. Kết Bài**  - Rút ra bài học nhận thức, hành động.  - GV chuyển ý: Các em có thể lựa chọn vấn đề ko tô vẽ, viết vào sách giáo khoa, hoặc có thể lựa chọn 1 trong vấn đề khác của tiết (viết) bài hôm trước cho bài luyện nói của mình.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ: (PHT 2)**  *?**Dựa vào phần dàn ý đã nêu, em hãy lược bỏ những phần chỉ phù hợp với hình thức viết?*  *? Hãy đánh dấu những điểm quan trọng trong bài viết của mình cần giữ lại và phát triển thêm?*  *? Lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý trong bài viết để xây dựng thành một đề cương của bài nói của mình?*  - HS hoạt động nhóm ***(KT chia sẻ nhóm đôi)***  - HS trao đổi chia sẻ phần thảo luận của nhóm mình với nhóm đôi khác.  - HS nhận xét  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói, yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4.  + Nói theo đề cương nội dung đã chuẩn bị.  + Nói tập trung vào vấn đề, chọn dẫn chứng tiêu biểu.  + Điều chỉnh nội dung nói: nhấn lại điều người nghe chưa hiểu, lướt những điều người nghe đã rõ.   * - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, các thành viên luân phiên nói, nghe góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm: *Nói rõ ràng, mạch lạc, ngắn gọn, đủ ý theo dàn ý đã chuẩn bị, giọng nói vừa đủ nghe trong nhóm.*   - HS thực hiện nhiệm vụ **(**hoạt động nhóm 4)  - GV theo dõi (hỗ trợ HS nếu cần) hoạt động của các nhóm.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu các nhóm cử người trình bày bài nói trước lớp. Luân phiên người nói của các nhóm. Các thành viên còn lại đều là người nghe có nhiệm vụ theo dõi và trao đổi khi người nghe trình bày xong.  **GV chiếu phần yêu cầu nói**  **Yêu cầu:**  *\* Về hình thức:* Bài nói cần có mở đầu, kết thúc:  - Mở đầu: Kính thưa thầy (cô), các bạn: Sau đây em xin trình bày bài nói của mình….  - Kết thúc: Em xin chân thành cảm ơn thầy (cô) và các bạn đã chú ý lắng nghe phần trình bày bài nói của em…..   * *\* Nội dung:* * - Nói đúng nội dung chuẩn bị phần đề cương bài nói. * - Bài nói tập trung vào nội dung chính, trọng tâm, các ý rõ ràng, chặt chẽ, phải phối hợp giữa lý lẽ và dẫn chứng để bài nói có sức thuyết phục.   *\* Về giọng nói, tác phong:*  - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, hấp dẫn, trôi chảy.   * - Tác phong tự tin, nói thành câu trọn vẹn, đúng từ ngữ, ý chính xác, diễn đạt mạch lạc. Phát âm rõ ràng, âm lượng đủ cho cả lớp nghe. - Khi nói mắt hướng về đối tượng giao tiếp,mắt nhìn vào người nghe. * HS nghe: Biết nghe và nhận xét được phần trình bày của bạn cả về nội dung và hình thức. * - Học sinh hoạt động cá nhân.   - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bài nói trước lớp  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá bài nói của bạn bằng Rubrics.  - GV nhận xét, đánh giá, đánh giá bài nói của HS bằng Rubrics.  **\* Chuyển giao nhiệm vụ (PHT số 3)**  **-** GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá  - GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa?*  *+ Nội dung nói đầy đủ chưa? Có sức thuyết phục không (lí lẽ và dẫn chứng)?*  *+ Nhận xét về giọng nói, điệu bộ, cử chỉ…?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ theo nhóm (nhóm đôi)  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá.  + Người nói lắng nghe phản hồi ý kiến của người nhận xét (người nghe)? *( nếu cần)* | **1. Chuẩn bị bài nói**  **a. chuẩn bị nội dung nói**  \* Đề bài: Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.  **\* Dàn ý:**  **a. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề bảo vệ sách giáo khoa.  **b. Thân bài:**  - SGK là gì?  - Vai trò của sách giáo khoa đối với người học.  - Nêu tác hại của việc không bảo vệ SGK (tô vẽ bậy lên sách)  - Lời khuyên về cách bảo vệ, giữ gìn sgk.  **c. Kết Bài**  - Rút ra bài học nhận thức, hành động.  \* Tóm tắt nội dung bài nói thành dạng đề cương.  **b. Tập luyện trong nhóm**  **2. Trình bày bài nói**  **3. Trao đổi sau khi nói** |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố, khắc sâu kiến thức về yêu cầu của chủ đề: gần gũi và khác biệt.

**b) Nội dung:**

- Thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV để hoàn thành các bài tập.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Phương pháp đàm thoại, gợi mở; kĩ thuật chia sẻ nhóm đôi**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ: (PHT số 4)**  \* Bài tập 1+3/73  1. Những trải nghiệm trong cuộc sống có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của mỗi người? (Dùng lí lẽ và bằng chứng trong các văn bản đọc để tìm câu trả lời.)  3. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề *Sách - người bạn đường.*  - HS hoạt động cá nhân  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả  - HS nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung .  + Gợi ý trả lời:  1. Những trải nghiệm trong cuộc sống giúp con người nhận thức được về thế giới và bản thân, từ đó hiểu được bản thân, hiểu được tấm bản đồ - mục đích của riêng mình.  3. Sách là một phương tiện để lưu giữ thông tin, tri thức của biết bao nhiêu thời đại. Nội dung trong sách là những kinh nghiệm, bài học bổ ích cho con người. Con người hằng ngày vẫn phải học tập không ngừng để bổ sung sự hiểu biết, phục vụ cho cuộc sống của mình. Chúng ta có thể học từ thầy cô, bạn bè và cả từ sách. Sách là một người thầy nhưng cũng là một người bạn. Thầy của ta không thể đi cùng ta cả đời. Bạn của ta cũng vậy. Chỉ có sách là ta có thể đem bên mình trên mỗi hành trình. Sách chính là một sự chỉ dẫn, một sự đồng hành, an ủi. Sách, chính là người bạn đường thân thiết của con người.  **\* Bài tập 2/71,72**  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ: Phiếu học tập số 5**  Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc.  - GV chiếu y/c bài tập 2 (thảo luận 5 phút**)**  - HS hoạt động nhóm (Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi)  - GV nhận xét, kết luận  - Dự kiến sản phẩm.  Những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản *Bản đồ dẫn đường* và *Hãy cầm lấy và đọc*:  - Giống nhau: Đều lần lượt triển khai nội dung theo trình tự: đưa ra ý kiến, sau đó là lí lẽ và bằng chứng.  - Khác nhau: Bằng chứng trong văn bản Hãy cầm lấy và đọc cũng có thể xem là lí lẽ.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc BT 4  ***\* Bài tập 4/73***  Chọn trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* một câu làm đề  tài cho bài nói. Lập dàn ý bài nói và tập luyện cách  trình bày  - HS hoạt động cá nhân  + GV gọi hs trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Dự kiến sản phẩm.  \* Dàn ý:  - Mở đầu: Giới thiệu về câu nói trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* được chọn làm đề tài.  - Thân bài:  + Nêu lí do lựa chọn câu nói làm chủ đề cho bài nói.  + Khẳng định sự tán thành với câu nói.  + Chứng minh:  . Những điều xấu xa thường ở trong bóng tối (kẻ trộm, vi phạm pháp luật,...), các chú công an phải đi vào "bóng tối" mới có thể bảo vệ được bình yên cho người dân.  . Đối với bản thân mỗi người: Để trả lời cho câu hỏi: "Tôi là ai? Tôi thích gì? Tôi muốn trở thành gì?" không thể tìm kiếm đáp án ở bên ngoài. Người khác có thể cho ta một câu trả lời hay gợi ý. Nhưng câu trả lời đó chỉ đúng khi tự ta cũng thấy nó hợp lí, tự ta thuyết phục được bản thân. Nghĩa là, ta vẫn phải đi vào "bóng tối" của nội tâm, soi xét và tìm ra câu trả lời.  - Kết luận:  + Có những câu trả lời cần tìm ngoài ánh sáng, mà không thể tìm trong bóng tối; Nhưng cũng có những câu trả lời bắt buộc chỉ có thể tìm được trong bóng tối.  + Kêu gọi mỗi người tự tin đi vào "bóng tối" của bản thân mình.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc BT 5  Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận bàn về vấn đề đời sống. Ghi chép ngắn gọn thu hoạch của em đối với từng văn bản (về vấn đề được bàn luận, về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng).  - HS hoạt động nhóm (GV chia lớp thành 2 nhóm N1 tìm đọc 1 văn bản nghị luận; N2 tìm đọc 1 văn bản nghị luận khác)  + Đại diện nhóm trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Dự kiến sản phẩm.  \* Chọn đọc văn bản 1 về vấn đề học ngoại ngữ từ những áp lực: GS Việt từng đàm phán 60 tỷ USD: “Tự học ngoại ngữ từ những áp lực”. (https://vietnamnet.vn/gs-viet-tung-dam-phan-60-ty-usd-tu-hoc-ngoai-ngu-t...)  - Lí lẽ 1: Tự học ngoại ngữ từ những áp lực  + Dẫn chứng tự học tiếng Pháp: xuất phát từ lòng tự ái, luyện tập kể chuyện tiếu lâm trước gương.  + Dẫn chứng tự học tiếng Anh: xuất phát từ việc không muốn người Anh đứng “tay trên” mình.  + Dẫn chứng tự học tiếng Việt: xuất phát từ mong muốn truyền đạt kiến thức cho sinh viên Việt Nam tốt nhất nên học tiếng Việt mọi lúc mọi nơi, vừa viết, vừa đọc, vừa tra từ điển, vừa học từ chính sinh viên của mình.  - Lí lẽ 2: Hai phương pháp học ngoại ngữ: lấy áp lực hoặc tình yêu làm động lực.  + Dẫn chứng lấy tình yêu làm động lực: Học từ động lực tình yêu thông qua các bài hát.  + Dẫn chứng lấy áp lực làm động lực: Người Pháp cũng không giỏi hơn người Việt khi học tiếng Anh.  - Lí lẽ 3: Tự học chiếm 90% sự học.  + Dẫn chứng: Dẫn chứng từ chính cuộc đời GS Phan Văn Trường.  \* Chọn đọc văn bản 2: Hiểu đúng về tục kéo vợ (https://vietcetera.com/vn/hieu-dung-ve-tuc-keo-vo?fbclid=IwAR39bipwXG8ZS...). Nội dung của văn bản này đã được triển khai như sau:  - Nêu hiện tượng: Một thanh niên "kéo" một cô gái trẻ. Cô gái vùng vẫy, khóc lóc. Câu chuyện kết thúc khi có sự can thiệp của công an địa phương.  - Lí lẽ 1: "Kéo vợ" là một thực hành văn hóa có ý nghĩa phức tạp.  Bằng chứng 1: Trả lời phỏng vấn của hai nhà nhân học là Hoàng Cầm và Trường Giang. Họ đã lí giải kéo vợ đã tồn tại lâu đời trong văn hóa của người Mông các tỉnh phía Bắc, phong tục này có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống hôn nhân của người địa phương.  Bằng chứng 2: Miêu tả cụ thể một hoạt động kéo vợ và ý nghĩa của hoạt động kéo vợ: "Việc chàng trai kéo cô gái về nhà không hề có sự cưỡng ép tới từ người đàn ông. "  - Lí lẽ 2: Những định kiến về tục kéo vợ đầu tiên xuất phát từ cách nhìn của người ngoài văn hóa Mông.  Bằng chứng: Nếp sống hàng ngày của người dân tộc thiểu số thường có xu hướng bị ảnh hưởng bởi sự phán xét từ nhóm người "văn minh hơn".  - Phần kết luận, tác giả đã khẳng định kéo vợ là một nét đẹp văn hóa cần được hiểu đúng và kêu gọi cộng đồng nên có sự tôn trọng văn hóa của các tộc người. | **4. Luyện tập, củng cố lại chủ đề bài 8 “*Trải nghiệm để trưởng thành”***  *\* Bài tập 1, 3/73*  ***\* Bài tập 2/73***  ***\* Bài tập 4/73***  ***\* Bài tập 5/73*** |

**4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng, tìm tòi, mở rộng**

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

3. Sản phẩm: câu trả lời của hs

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cần đạt** |
| **Giao nhiệm vụ:**GV chia lớp làm 2 nhóm lớn và nêu yêu cầu: Trao đổi về ý nghĩa của câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Từ đó lấy những dẫn chứng thực tế để chứng minh cho tính đúng đắn của câu tục ngữ đó  **Thực hiện nhiệm vụ**:  HS bàn bạc thảo luận trong vòng 5 phút  **Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm trình bày  Nhóm khác bổ sung  **Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét thái độ và năng lực của hs trước một tình huống áp dụng vào thực tiễn | - Ý nghĩa: con người phải có tư duy tích cực, phải nhận thức được tri thức loài người là vô tận, còn rất nhiều điều phải học tập và khám phá, chỉ có siêng năng tìm tòi, học hỏi mới thu nhận được tri thức đó, chỉ có tri thức mới giúp chúng ta vững bước trên đường đời, góp phần hoàn thiện bản thân, xây dựng và phát triển đất nước  - Nhất trí với ý nghĩa của câu tục ngữ.  - Minh chứng: nhà bác học Lênin đã có câu “Học, học nữa, học mãi” điều đó khẳng định việc học là không bao giờ là đủ, không bao giờ là thừa |

**IV. Hướng dẫn tự học ở nhà**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Hoàn thiện bài nói theo yêu cầu: (về tự nói, hoặc có thể vài bạn tập hợp thành một nhóm nhỏ nói cho nhau nghe)

- Chuẩn bị bài mới: Ôn tập giữa học kì II. Hoàn thiện các phiếu học tập theo y/c của GV.

**V. Hồ sơ dạy học**

**1. Kế hoạch đánh giá:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Đánh giá thường xuyên | - Quan sát  - Hỏi - đáp  - Sản phẩm học tập | - Câu hỏi  - Bài tập  - Rubric |  |

**Rubricsđánh giá phần trình bài nói của học sinh trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống.**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | |
| **Yếu** | **Trung bình** | **Khá** | **Giỏi** |
| **1. Nội**  **dung (5,0 điểm)** | **(0 điểm)**  - Bài nói chưa có chủ đề  - Lời văn lủng củng. | **(0,25 - 3,0 điểm)**  - Bài nói chưa rõ chủ đề  - Lời văn chưa logic, khoa học, chưa có tính thuyết phục. | **(3,25-4,0 điểm)**  - Bài nói đã có chủ đề.  - Lời vănrõ ràng, mạch lạc. | **(4,25-5,0 điểm)**  - Bài nói có chủ đề rõ ràng, thống nhất  - Lời văn logic, khoa học, có tính thuyết phục cao. |
| **2. Cách trình bày (3,0 điểm)** | **(0 điểm)**  - Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng  - Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | **(0,25-1,0 điểm)**  - Giọng nói còn nhỏ, chưa truyền cảm.  - Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe, nhưng biểu cảm không phù hợp với nội dung sự việc. | **(1,25 - 2,0 điểm)**  - Giọng nói to, rõ ràng.  - Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe biểu cảm khá phù hợp. | **(2,25-3,0 điểm)**  - Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, hấp dẫn, trôi chảy  - Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt biểu cảm tốt. |
| **3. Mở đầu và kết thúc hợp lí (2,0 điểm)** | **(0 điểm)**  Không chào hỏi và không có lời kết thúc bài sau khi trình bày. | **(0,25- 1,0 điểm)**  Có chào hỏi nhưng chưa có lời kết thúc bài nói hoặc ngược lại. | **(1,25- 1,5 điểm)**  Chào hỏi và kết thúc nhưng chưa thực sự ấn tượng. | **(1,75-2,0 điểm)**  Chào hỏi và kết thúc tự nhiên, hấp dẫn, ấn tượng |

**2. Phiếu học tập**

|  |
| --- |
| **Phiếu HT số 1**  *1. Với phần mở đầu em giới thiệu gì về sách giáo khoa?*  *2. Em hiểu như thế nào về việc bảo vệ sách giáo khoa?*  *3. Giá trị của những cuốn sách giáo khoa với mỗi bạn học sinh ? (giá trị về kinh tế và giá trị về tri thức).*  *4. Tác hại của việc không giữ gìn sgk (về kinh tế, về tinh thần)?*  *5. Em đã lèm gì để giữ gìn skg sạch đẹp, em đưa ra lời khuyên ntn đối với các bạn chưa biết bảo vệ sgk sạch đẹp ?* |
| **Phiếu HT số 2**  1. *Dựa vào phần dàn ý đã nêu, em hãy lược bỏ những phần chỉ phù hợp với hình thức viết?*  *2. Hãy đánh dấu những điểm quan trọng trong bài viết của mình cần giữ lại và phát triển thêm?*  *3. Lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý trong bài viết để xây dựng thành một đề cương của bài nói của mình?* |
| **Phiếu HT số 3**  *1. Người nói đã nêu rõ được hiện tượng đời sống cần bàn chưa?*  *2. Nội dung nói đầy đủ chưa? Có sức thuyết phục không (lí lẽ và dẫn chứng)?*  *3. Nhận xét về giọng nói, điệu bộ, cử chỉ…?* |
| **Phiếu HT số 4**  1. Những trải nghiệm trong cuộc sống có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của mỗi người? (Dùng lí lẽ và bằng chứng trong các văn bản đọc để tìm câu trả lời.)  2. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về chủ đề *Sách - người bạn đường* |
| **Phiếu HT số 5**  1. Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc. |

**IV. Rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch bài dạy sau tiết dạy (nếu có)**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**-------------------------------------------------------**

**BÀI 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**Đọc – hiểu văn bản (1)**

***Văn bản:* HOA THUỶ TIÊN THÁNG MỘT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn:

+ Biết thông tin cơ bản của văn bản thông tin

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động; cước chú; Biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

***3. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Tranh ảnh về nhà văn Thô-mát L. Phrít-man

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe video “Tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu” suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:**

- Nội dung của video bài hát: Tìm hiểu về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em cảm xúc gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  https://img.loigiaihay.com/picture/2022/0427/sc_3.jpg  - Thô-mát L. Phrít-man (1953), sinh ra tại St.Louis Park, một vùng ngoại ô của Minneapolis. **-** Là nhà báo người Mỹ có uy tín, phụ trách chuyên mục các vấn đề quốc tế của báo New York Times, chuyên theo dõi những vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường.  **-**Ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer)  - Các tác phẩm tiêu biểu: Chiếc Lếch-xớt (Lexus) và cây ô-liu (1999); Thế giới phẳng (2005-2007); Nóng, Phẳng, Chật (2008);...  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Văn bản thông tin.  **- Xuất xứ**  + Trích Nóng, Phẳng, Chật (2008) nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu.  + “Thủy tiên tháng Một” nằm trong mục 5 (Sự bất thường của Trái Đất) thuộc phần 2 (Tại sao chúng ta lại ở đây) của cuốn sách  - **Bố cục**(3 phần)  + Phần 1 (từ đầu đến “nó còn là “sự bất thường của Trái Đất” nữa”): *Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu.*  + Phần 2 (tiếp đến “*toàn cầu*…”): *Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.*  + Phần 3 (còn lại): *Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.* | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN (…’)** | | |
| ***1. Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu****.* | | |
| **Mục tiêu**:  - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi?*  *- Những cách gọi khác nhau của vấn đề?*  *-Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK, tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn 1.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | ***1. Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu****.*  - Vấn đề: biến đổi khí hậu,  + sự nóng lên của Trái Đất,  + sự bất thường của Trái Đất,  + sự rối loạn khí hậu toàn cẩu.  -> Cách nêu vấn đề trực tiếp, nhìn nhận từ các khía cạnh của vấn đế. |
| **2. *Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.*** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được những nguyên nhân của biến đổi khí hậu và những tác động của nó.  - Chính sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.  - Biến đổi khí hậu là mối đe dọa lớn đến con người.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Chia nhóm (4 nhóm).  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  ? Vẽ sơ đổ (có sử dụng hình mũi tên) biểu thị mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  *? Sự bất thường của Trái đất” đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào? Tìm thêm những bằng chứng thực tế mà em biết được ?*  *? Nhận xét về những tác động do biến đổi khí hậu gây ra?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | *2. Biến đổi khí hậu và những tác động của nó.*  - Nguyên nhân của biến đổi khí hậu:  + Nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng.  +Sự chênh lệch nhiệt độ hình thành, Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi.  - Những tác động của nó.  + Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh: đợt nóng, hạn hán, tuyết rơi dày, bão lớn, lũ lụt, mưa to, cháy rừng, loài sinh vật biến mất, thủy tiên nở tháng 1.  + Thời tiết đồng thời tổn tại ở hai thái cực: nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng.  *\* Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng, nặng nề, tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống con người.* |
| ***3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.*** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được cách dẫn ra nhiều số liệu trong một VB thông tin có tác dụng làm tăng tính thuyết phục.  - Thấy được hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn ra hiện nay.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS làm việc cá nhân | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hỏi học sinh.  *? Hai đoạn cuối tác giả đã đưa vào rất nhiều số liệu, là những số liệu nào?*  *? Ý nghĩa của số liệu ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. | | *3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh.*  - Báo cáo “ Sự bất thường của Trái Đất năm 2007”:  +Bốn đợt giớ mùa, lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan...  + Vào tháng 5, sóng lớn cao 4,6 m tràn qua 68 đảo ở Man-đi-vơ...  - Mùa hè 2008, hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn ra:  + mưa lớn khiến trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pit bị lụt.  + Mực nước sông cao hơn mặt nước biển 9,1 m (hơn kỉ lục cũ 1,8 m).  *\* Những số liệu ấn tượng, đáng tin cậy, thuyết phục khiến người đọc ám ảnh và nhận thức được vấn đề biến đổi khí hậu vẫn còn tiếp tục diễn ra hết sức cực đoan.* |
| **III. TỔNG KẾT (…’)** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS   * HS nắm được những đặc điểm nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của một văn bản thông tin.   **Nội dung**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi.  - HS làm việc cá nhân | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS hoạt động cặp đôi.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Hoa thủy tiên tháng một”?*  *? Ý nghĩa nhan đề của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận, HS cặp đôi khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các cặp đôi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản. Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với những hiện tượng thời tiết cực đoan.  **3. Ý nghĩa nhan đề.**  - Nhan đế ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán, thể hiện sự quan sát thực tế của tác giả.  - Sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.  - Từ đó kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ Trái Đất, giảm thiểu và khắc phục hiện tượng biến đổi khí hậu để cuộc sống chúng ta ít bị đe dọa, tác động. |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*- Ở địa phương em, em quan sát được những hiện tượng thời tiết cực đoan nào thường xảy ra?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Em hãy trình bày một số giải pháp để hạn chế sự tác động của biến đổi khí hậu?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

**BÀI 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**Đọc – hiểu văn bản (3)**

***Văn bản:* BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn:

+ Biết thông tin cơ bản của văn bản thông tin

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động; cước chú; Biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

***3. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe video về bài hát “ ***Ai lên xứ hoa đào”*** , suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:**

- Nội dung của video bài hát: Tìm hiểu về vấn đề vẻ đẹp của mùa hoa nơi Đà Lạt.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em cảm xúc gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Nội dung**:  - GV hýớng dẫn HS ðọc vãn bản và ðặt câu hỏi.  - Hs ðọc, quan sát SGK và tìm thông tin ðể trả lời câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hýớng dẫn HS ðọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh nãm 1979, quê ở Ninh Thuận  - Ông là nhà thõ, nhà vãn, nhà báo, tác giả nhiều cuốn sách về Ðà Lạt.  - Một số tác phẩm nổi tiếng: Tản vãn *Với Ðà Lạt, ai cũng là lữ khách*, du khảo Ðà Lạt, một thời hýõng xa. Mới nhất là *Ðà Lạt, bên dýới sýõng mù* (biên khảo).  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** thuộc thể loại tản văn  **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**:  + Trích ra từ cuốn sách *với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*. Đưa ra những cảm nhận, hoài niệm của tác giả về xứ sở sương mù Đà Lạt, những kiếp người lặng lẽ sống , nhưng vẫn có khát vọng mãnh liệt  **- Bố cục:** 3 phần  + Phần 1 Từ đầu…*khi Đà Lạt giao mùa Đông-Xuân* : Giới thiệu về người bạn kí giả của tác giả  + Phần 2 Tiếp theo…*cuộc vận động rộn ràng nhất thời:* nói về bản tin hoa anh đào  + Phần 3 Còn lại : tác giả mong ước trong tương lai có nhiều bản tin về loài hoa hơn  - Phương thức biểu đạt:  + tự sự, biểu cảm, bình luận | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN (…’)** | | |
| ***1. Bản tin hoa anh đào*** | | |
| **Mục tiêu**:  - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *- Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi?*  *- Những cách gọi khác nhau của vấn đề?*  *-Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK, tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn 1.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | **1. Bản tin hoa anh đào.**  - Thời gian xuất hiện  + mỗi năm một lần, vào tháng Chạp  - Nội dung của bản tin thay đổi theo từng năm  *+ Viết như một bài thơ với niềm hưng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới*  *+ Bản tin dự báo hoa nở muộn, chóng tàn vì thời tiết bất lợi*  *+ Có năm kể lể về gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ*  - Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  + Người viết tin không biết nên bắt đầu từ đâu  + Anh vẫn đưa ra quyết định: *phải làm cho hoa anh đào bình đẳng với các bản tin khác trên đời.* |
| ***2. Ý kiến của tác giả về bản tin hoa anh đào*** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu ðýợc sự ðồng ðiệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật ðýợc nói tới trong bài tản vãn:  + Tác giả thấu hiểu ðýợc những khó khãn, trở ngại khi ngýời bạn của mình viết bản tin về hoa anh ðào  + Ðồng thời, ông trân trọng sự mạnh mẽ výợt qua chýớng ngại tinh thần ðó của bạn mình. Ông cũng mong rằng sau này những bản tin về hoa anh ðào sẽ xuất hiện nhiều hõn nữa trên báo  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Chia nhóm (4 nhóm).  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  ? Trình bày cảm nhận của em về suy nghĩ của tác giả?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | ***2. Ý kiến của tác giả về bản tin hoa anh đào****.*  - Suy nghĩ của tác giả về bản tin  + Việc bản tin mỗi năm xuất hiện một lần theo tác giả vô cùng ý nghĩa  + Ý nghĩa tư duy trong nghề làm báo  + Bản tin mang đến  sức lan tỏa lớn đến mọi người  + Tác giả muốn trong tương lai có nhiều bản tin về hoa tiếp theo  + Mong muốn những bản tin rối rắm của xã hội bằng các bản tin về các loài hoa  - Tâm hồn của con người sẽ được thanh lọc, thoải mái hơn |

**3. HĐ 3: Luyện tập :**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*- Ở địa phương em,em quan sát thấy có loài hoa anh đào không ?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Em hãy trình bày một số cảm nhân của em về loài hoa em yêu thích ?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH MỘT QUY TẮC HOẶC MỘT LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Kiểu bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và các phương tiện truyền thông khác.

**3. Phẩm chất:**

*- Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

*- Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

- Tranh ảnh về truyện ST, TT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  | **B** | **Ị** | **T** | **M** | **Ắ** | **T** | **B** | **Ắ** | **T** | **D** | **Ê** |
| **2** |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ả** | **D** | **I** | **Ề** | **U** |  |  |  |
| **3** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **Đ** | **U** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  | **N** | **H** | **Ả** | **Y** | **B** | **A** | **O** | **B** | **Ố** |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  | **T** | **Ế** | **T** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ổ** | **I** | **C** | **Ơ** | **M** |  |  |
| **7** | **T** | **R** | **Ố** | **N** | **T** | **Ì** | **M** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  | **Đ** | **I** | **C** | **À** | **K** | **H** | **E** | **O** |  |  |
| **9** |  |  |  | **Đ** | **Ậ** | **P** | **N** | **I** | **Ê** | **U** |  |  |  |  |  |
| **10** |  | **C** | **H** | **Ơ** | **I** | **C** | **H** | **U** | **Y** | **Ề** | **N** |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  **Cách 1:** Gv tổ chức trò chơi ô chữ bí mật  Câu 1: Đây là trò chơi trong đó một người chơi sẽ bị bịt mắt và cố gắng bắt những người khác trong một phạm vi sân chơi giới hạn. Người bị bắt sẽ thua cuộc và phải thế chỗ cho người bắt.  Câu 2: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một hoạt động vui chơi trong dịp hè của trẻ em vùng nông thôn  ả/h/t/u/ề/i/d  Câu 3: Trò chơi diễn ra vào mùa xuân, sử dụng đu quay làm công cụ, người chơi thể hiện sự khéo léo, mạnh mẽ của mình.  Câu 4: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một trò chơi  ả/o/a/b/b/n/h/y/ố  Câu 5: Đây là một dịp được mong đợt nhất trong năm của người Việt Nam.  Câu 6: Đây là tên một hội thi nổi tiếng ở Đồng Vân?  m/t/ơ/h/ổ/c/i  Câu 7: Cũng gọi là **chơi 5-10** là trò chơi phổ biến của trẻ em, số lượng người chơi không hạn chế (nhưng ít nhất là ba). Mục đích là một người đi tìm còn những người kia lẩn trốn.  Câu 8: Trò chơi dùng 2 cây tre, trên đó cột hai cái khấc cũng bằng tre làm bàn đạp để đứng lên đó đi thay chân.  Câu 9: Trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ nó với một chiếc gậy.  Câu 10: Trò chơi còn gọi là chơi chắt, dùng 1 quả bóng tung lên nhặt lấy que chuyền rồi chụp bóng.  **Cách 2:** Nhớ lại một trò chơi hoặc một hoạt động mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài:* Các em ạ, các từ khóa hàng ngang các em vừa tìm được đó chính là những trò chơi hoặc hoạt động. Vậy làm thế nào để viết được bài văn thuyết minh về các quy tắc, luật lệ trong các trò chơi hay hoạt động đó? Cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu tiết… | Học sinh tham gia trò chơi |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănthuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***NV: Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu đối vói bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  ***+*** *Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?*  ***+*** *Khi tham gia trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs quan sát, suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. *Yêu cầu đối vói bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động***  - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia)  - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.  - Nêu được vai trò của trò chơi hay hoạt động đó với con người.  - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh phân tích mẫu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo giới thiệu về trò chơi: Chơi chuyền. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về quy tắc (cách chơi), luật lệ, tác dụng và ý nghĩa của trò chơi.  Cho HS xem video về trò chơi chuyền để HS dễ hình dung khi đọc bài tham khảo.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau:  *+ Người viết giới thiệu đối tượng tham gia và hoàn cảnh diễn ra như thế nào?*  *+ Những chi tiết nào giới thiệu về quy tắc (cách chơi)*  *+ Chi tiết nào nói lên luật lệ trò chơi?*  *+ Tác dụng của trò chơi?*  *+ Ý nghĩa của trò chơi?*  - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  + Đối tượng: những bạn gái; không gian: đầu ngõ, dưới bóng tre, góc sân nhà.  + Quy tắc: từ 2 – 6 người, đồ chơi gồm 10 que, 1 quả bóng; người chơi tung quả bóng đồng thời nhặt que chuyền, đi từ bàn 1 đến bàn 10, mỗi bàn có một bài đồng dao khác nhau; hết 10 bàn và 1 vòng tính là một ván.  + Luật lệ: khi đến lượt chuyền, không bắt được quả hay que chuyền sẽ mất lượt; đối phương sẽ được chơi. Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.  + Tác dụng: khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, gắn kết, củng cố tinh thần đoàn đội, vui vẻ, hòa đồng.  + Ý nghĩa: nét đẹp văn hóa dân gian người Việt. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- Kiểu bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

- HS viết được bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem qua, nghe sách báo, truyền hình, truyền thanh.

Nắm được cách viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  + Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  + GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động  Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một trò chơi hoặc hoạt động)  PHIẾU TÌM Ý   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi hoặc hoạt động gì? |  | | Diễn ra ở đâu? Lứa tuổi nào thường tham gia? | ........................ | | Trò chơi hay hoạt động đó thực hiện như thế nào (dụng cụ, cách thức chơi)? | ........................ | | Trò chơi hay hoạt động đó có luật gì? | ........................ | | Trò chơi đó có tác dụng gì với con người? | ........................ | | Trò chơi đó có ý nghĩa gì? | ........................ |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Y*êu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp)*  *+ Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý   1. **Viết bài, chỉnh sửa bài viết**   - Dựa bào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh  - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động |

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động | Nếu bài viết chưa giới thiệu được tên trò chơi hay hoạt động, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia,... thì cần bổ sung. |
| Miêu tả rõ ràng quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động | Bổ sung thông tin hoặc điều chỉnh các câu, đoạn cho mạch lạc. |
| Nêu được tác dụng, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động | Nếu việc nêu tác dụng, ý nghĩa trò chơi hay hoạt động còn sơ sài hoặc chưa chính xác thì cần bổ sung hoặc điều chỉnh. |
| Đảm bảo yêu cầu chính tả, diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa. |

**Bài 9: HÒA ĐIỆU VỚI THIÊN NHIÊN**

**Tiết:**

**NÓI VÀ NGHE**

**(1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1*. Về kiến thức***

- Củng cố kiến thức về văn bản thông tin, văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động;

- Biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động.

**2. *Về năng lực***

**\*Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**\* Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện, vận dụng kiến thức trong văn bản để đánh giá được các vấn đề trong cuộc sống.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. *Về phẩm chất***

- Ý thức được tầm quan trọng của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**GV:**

**-** Gọi HS chia sẻ trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích.

- Gợi mở để HS chia sẻ.

**HS** chia sẻ suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

- Chia sẻ của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV:**

* Em thích nhất trò chơi hay hoạt động nào?
* Em có bao giờ giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động cho người khác nghe chưa?
* Người em giải thích là ai?
* Em thấy người nghe có hiểu, có thích thú không?
* Em rút ra được kinh nghiệm gì sau khi giải thích?....

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát, lắng nghe và bày tỏ suy nghĩ cá nhân.

**GV** quan sát, lắng nghe.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu đại diện một HS trả lời, các em khác nhận xét và bổ sung.

**HS** đại diện trả lời, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI (15’)** | |
| **Mục tiêu:** Làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc những người quan tâm.  **Nội dung:**  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình.  **HS** trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói từ ở nhà. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -GV: yêu cầu HS quan sát vào hộp chỉ dẫn SGK trang 95  - GV gọi HS xác định mục đích nói và người nghe.  ? Nêu mục đích của bài nói?  ? Những người nghe là ai?  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói:  + Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết.  + Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó.  + Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động.  Chú ý: Em có thể chuẩn bị thuyết trình bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động.  + Trao đổi về nội dung đã chuẩn bị ở nhà, góp ý, chỉnh sửa cho nhau (nếu cần).  + Luyện nói trong nhóm để các bạn trong nhóm nhận xét dựa trên phiếu tiêu chí nói.  -GV tổ chức cho HS tập luyện ở lớp:  + Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có)  + Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị  -GV quan sát, hỗ trợ, chỉnh sửa cho các nhóm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung…  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng; chú ý về ngôn ngữ, khả năng truyền cảm thể hiện ở các yếu tố kèm lời và phi lời.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích: Làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc những người quan tâm.  - Người nghe: thầy (cô), bạn bè, người thân và những ai tham gia hoặc quan tâm đến trò chơi hay hoạt động.  ***2. Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập***  a) Chuẩn bị nội dung (SGK)  b) Luyện tập nói  - HS nói một mình hoặc nói theo cặp.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI (45’)** | |
| **Mục tiêu:** Giải thích được quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích dưới hình thức nói  **Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nói trước lớp  **HS**:  - Nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết.  - Các em khác theo dõi, ghi nhận xét ra giấy và cho điểm đối với bài của bạn trên zalo bằng cách kích tim (hoặc biểu quyết bằng tay) sau mỗi lượt nói. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí.  **HS** xem lại dàn ý của HĐ viết.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV:**  - Yêu cầu HS nói, kịp thời hỗ trợ các em (nếu cần).  *- Quay video một vài em và đưa lên Padlet (ở các tiết nói sau, GV quay video lần lượt các thành viên khác).*  **HS:** Đại diệnnói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (giải thích được quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI (20’)** | |
| **a)** **Mục tiêu:** Góp ý, đánh giá bài nói, rút kinh nghiệm khi trình bày bài nói.  **b) Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn dựa trên các tiêu chí nói.  **HS** trình bày bản nhận xét của mình ở tiết trước   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | | | | | **Nhóm**:………. | | | | | | | **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | | **Mức độ đạt được** | | | | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | **Nội dung bài nói** | Chọn được trò chơi hay hoạt động có quy tắc hoặc luật lệ thú vị để trình bày | |  |  |  | | Nêu sáng rõ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động và sự cần thiết của việc tuân thủ chúng | |  |  |  | | **Cách thể hiện** | Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng | |  |  |  | | Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ | |  |  |  | | Sự tương tác | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc của người nghe. | |  |  |  | |  | | **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  2. Yêu cầu HS đánh giá các bạn nói theo tiêu chí.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS** quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập (10’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Sưu tầm thêm trò chơi hay hoạt động để giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

**HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**HS** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**Thực hành Đọc**

***Văn bản:* THÂN THIỆN VÓI MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn:

+ Biết thông tin cơ bản của văn bản thông tin

+ Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động; cước chú; Biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Giúp học sinh hiểu, biết cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin, thông qua những văn bản cụ thể nói cách sống hài hòa với tự nhiên, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ tự nhiên.,môi trường.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn về văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đich của nó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một luật lệ trong hoạt động.

***3. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng cách sống hài hòa với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a.Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

**GV** yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

**HS** quan sát, lắng nghe video về “ bảo vệ môi trường” , suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**c. Sản phẩm:**

- Nội dung của video bài hát: Tìm hiểu về vấn đề ô nhiễm môi trường.

- Suy nghĩ của cá nhân (định hướng mở).

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

*? Cho biết nội dung của video trên? Những thông tin từ video cung cấp gợi cho em suy nghĩ gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các lẫn nhau

GV: chốt vấn đề

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **Nội dung**:  - GV hýớng dẫn HS ðọc vãn bản và ðặt câu hỏi.  - Hs ðọc, quan sát SGK và tìm thông tin ðể trả lời câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm (Thể loại, xuất xứ, bố cục)?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV** hýớng dẫn HS ðọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  B4: Kết luận, nhận định  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả.**  - Nguyễn Hữu Quỳnh Hương sinh năm 1997  - Cô là tác giả của rất nhiều bài báo, cuốn sách cổ vũ nhiệt thành cho “lối sống xanh”  - Tác phẩm chính: *Sống xanh rồi mới sống nhanh*  **2. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Chính luận  **- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**:  -Trích từ tác phẩm  *Sống xanh rồi mới sống nhanh*  **- Phương thức biểu đạt**: Nghị luận  **- Bố cục:** 3 phần  - Phần 1: Từ đầu…. *thân thiện với môi trường hơn túi ni lông..?*: đặt ra vấn đề  - Phần 2: Tiếp theo…*hàng tấn rác thải nhựa* : các tiêu chí phân loại  - Phần 3: Còn lại : lý giải về các sản phẩm thân thiện môi trường | |
| **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN (…’)** | | |
| ***1. Cách phân loại*** | | |
| **Mục tiêu**:  - Nhận biết được vấn đề thông tin và cách thức tác giả giới thiệu.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Chia nhóm (4 nhóm).  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định.**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | ***1. Cách phân loại***  - Chia ra thành 3 nhóm nhỏ dựa trên các tiêu chí rõ ràng  **-**Đối với vật liệu dựa vào quy trình khai thác, tính chất của vật liệu,giá trị sử dụng  + Ví dụ túi vải thân thiện với môi trường hơn túi ni lông  *+ Việc sản xuất 1 túi vải tiêu thụ 131 lần so với việc sản xuất ra túi ni lông*  + Túi vải thân thiện với môi trường khi người sử dụng tái chế nhiều lần  - Đối với sản phẩm  + Quy trình khai thác, sản xuất phân phối, sử dụng  *+ Sản phẩm này có tác hại với môi trường không?*  - Đối với dịch vụ hay không gian thân thiện  + Quán cà phê cam kết thân thiện môi trường nhưng lãng phí điều hòa, không cam kết vấn đề phân loại xử lý rác thải, vô tư sử dụng các sản phẩm một lần từ giấy, bã mía  + Khu du lịch sinh thái tuy nhiên không đem lại giá trị môi trường tương xứng |
| ***2. Bài học rút ra*** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận thức được tầm quan trọng và rút ra bài học ý nghĩa từ thực tế.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | ***2. Bài học rút ra***  - Những nhận thức sai lầm của người tiêu dùng khi thấy  + Sản phẩm ghi trên bao bì “ có thể tái chế”  + Hoặc sản cam kết “ không thử nghiệm trên động vật”  - Nhãn hàng đã đánh vào tâm lý của người tiêu dùng  + Ống hút cỏ bàng có khả năng phân hủy làm cho người tiêu dùng sử dụng nhiều  + Ống hút nhựa không phải là không thân thiện với môi trường  - Không co điều gì thật sự thân thiện với môi trường nếu không phải do thiên nhiên tao ra  →  Là người tiêu dùng thông minh hãy nhận thức rõ các sản phẩm thân thiện môi trường,tự nhắc nhở bản thân mình về vấn đề sống xanh. |

**3. HĐ 3: Luyện tập :**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân

**c) Sản phẩm:** Kết quả ở giấy nháp của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

? Em đã làm những gì để bản thân góp phần nhỏ vào việc bảo vệ môi trường, soongs thân thiện với môi trường?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**  HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*? Qua sự việc và những số liệu trên, em có suy nghĩ gì vế vấn nạn môi trường hiện nay?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

https://i1-dulich.vnecdn.net/2022/03/22/NhatBan-6-1647922683.jpg?w=1200&h=0&q=100&dpr=1&fit=crop&s=mpj4h_TxQQgbXhhUiLQk4g

https://i1-dulich.vnecdn.net/2022/03/22/NhatBan-2-1647922474.jpg?w=1200&h=0&q=100&dpr=1&fit=crop&s=3xJDLTOOV1e7f-bw2GZqTg

https://i1-dulich.vnecdn.net/2022/03/22/NhatBan-6-1647922683.jpg?w=1200&h=0&q=100&dpr=1&fit=crop&s=mpj4h_TxQQgbXhhUiLQk4g

https://i1-dulich.vnecdn.net/2022/03/22/NhatBan-2-1647922474.jpg?w=1200&h=0&q=100&dpr=1&fit=crop&s=3xJDLTOOV1e7f-bw2GZqTg

**Bài 10:** **TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG**

Thời gian thực hiện: 8 tiết

*Học đi đôi với hành*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học,chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của VB với mục đích của nó.

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng VB văn học,VB nghị luận,VB thông tin theo các chủ đề đã học.

- Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích.

- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.

**2. Về phẩm chất**

- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**-** SGK, SGV

- Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương, Giai điệu đất nước , Màu sắc trăm miền, Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành, Hòa điệu với tự nhiên.

- Máy chiếu, máy tính

- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh và phim ngắn),...

- Phiếu học tập

- Thư viện nhà trường

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

**b) Nội dung:**

- HS tự đọc phần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày suy nghĩ, ý tưởng của mình.

**c)**  **Sản phẩm**:

- Câu trả lời của hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

GV giao nhiệm vụ:

+ Trong các chủ đề đã học, em thích chủ đề nào nhất? Vì sao

+ Nếu chọn đọc một cuốn sách, em sẽ chọn cuốn sách về chủ đề gì?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- Hs suy nghĩ, trả lời**

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết quả, nhận định:**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt, định hướng sp của hđ đọc, viết, nói và nghe: trong chủ đề này, các em sẽ chọn 1 cuốn sách để tìm hiểu những thông tin về cuốn sách đó, tưởng tượng 1 cuộc phỏng vẩn với 1 nhân vật em yêu thích, cuộc phỏng vấn với tác giả của cuốn sách để hiểu hơn về nv và tp.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Tiết 129 : GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 10

**2. Nội dung:** Tìm hiểu về nội dung phần giới thiệu bài 10 và tri thức ngữ văn đề hiểu về đặc điểm cơ bản về bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và các nhân vật văn học, phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức

**3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | ND ( Dự kiến sp) |
| **NV 1: Giới thiệu bài học**  **B1**:**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: yêu cầu học sinh đọc giới thiệu bài 10.  - GV cho HS đọc phần này trong SHS và nêu câu hỏi:  + Loại văn bản nào em sẽ được học ở bài học này  + Loại văn bản đó có tác dụng gì đối với chúng ta  + Những điều em đã đọc từ những cuốn sách sẽ có ý nghìa gì?  **B2**: ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:***  - HS thảo luận với nhau về cách hiểu về những gì được gợi lên từ phần *Giới thiệu bài học*.  **B3:** ***Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  2-3 HS báo cáo nội dung đọc hiểu  **B4: *Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:***  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét chốt vấn đề  GV mở rộng: giải thích về nd của bài: | **1. Giới thiệu bài học**  - Loại văn bản: nghị luận về tác phẩm văn học  - Tác dụng: giải quyết những suy nghĩ, bàn luận những vấn đề của cuộc sống gợi ra từ trang sách  - Ý nghĩa của những điều đọc từ trang sách: trở thành một phần của cuộc sống, là hành trang tri thức để chúng ta bước vào thế giới rộng lớn. |

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Nd (Dự kiến sp) |
| **NV2: Khám phá tri thức ngữ văn**  **1. Mục tiêu:** Nhận biết vấn đề được đề cập đến toàn bộ bài 10  **2. Nội dung:** Tìm hiểu về Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản, Con người ngoài đời thực với nhân vật trong tác phẩm văn học, phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức  **3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS qua phiếu học tập và phần trình bày của HS, HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức.  **4. Tổ chức thực hiện:**  **B1**:***Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 10.  GV: Tổ chức HS theo 4 nhóm, viết phần trả lời các câu hỏi sau ra phiếu ht  - GV khơi sâu vấn đề bằng các câu hỏi và yêu cầu:  + Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc là gì?  + Đặc điểm của lí lẽ và bằng chứng trong văn bản?  + Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học?  + Loại vb nào sd nhiều phương tiện phi ngôn ngữ, vc sd đó có td gì?  **B2**: **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS đọc phần tri thức ngữ văn  - HS thảo luận theo nhóm  **B3:** **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**   * Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận   **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt vấn đề | **2. Tri thức ngữ văn**  - Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn hoc  - lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nl  - Con người ngoài đời thực có mối liên hệ như thế nào với nhân vật trong tác phẩm văn học  - phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản đa phương thức |

**Tiết 130: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Hs tìm đọc những cuốn sách mới để mở rộng các chủ đề đã học, pt kĩ năng đọc sách, giới thiệu sách, kĩ năng đọc cùng nhà phê bình để hiểu sâu hơn về giá trị nội dung và nghệ thuật của của cuốn sách vả hiểu hơn về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:**

- HS tự đọc phần mục tiêu bh, chọn 1 số cuốn sách văn học, sách khoa học hoặc sách bàn luận về vấn đề của đời sống với chủ đề dự án lựa chọn trên cơ sở tương đồng với chủ đề các vb .

- Hs đọc vb “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của quê nội (Võ Quảng)” để tìm hiểu:

+ Vấn đề bàn luận trong tp

+ Ý kiến của người viết

+ Lí lẽ và bằng chứng, cách trình bày bằng chứng

+ Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm nd chính của vb nghị luận pt một tpvh

**c.**  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS, các poster, fanpage, vieo giới thiệu về cuốn sách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Nd (dự kiến sp)** |
| **NV 1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).***  GV chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm lựa chọn mỗi nhóm 1 chủ đề . Tìm một cuốn sách thuộc chủ đề đó, cùng đọc, ghi chép vào sổ nhật kí và tự thiết kế một sản phẩm minh họa giới thiệu về cuốn sách đó. Yêu cầu nêu rõ:  *+ Đề tài: Cuốn sách đề cập đến phạm vi nào của đời sống?*  *+ Bố cục và nội dung chính: Cuốn sách có mấy chương, phần? nội dung chính của từng chương, phần là gì?*  *+ Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật nào được thể hiện trong cuốn sách?*  *+ Có nhứng chi tiết nào quan trọng? Những đoạn văn, câu văn nào gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?*  *+ Chủ đề, ý nghĩa, bài học mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét | **I. Cuốn sách mới - chân trời mới** |

**Tiết 131:**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Nd (dự kiến sp)** |
| **NV 2:**  **NV 2.1:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  GV chia lớp thành 4 nhóm, đọc vb “Vẻ đẹp giản dị và chân thật của quê nội (Võ Quảng)”, tl, th các yêu cầu sau:  *+ Vấn đề người viết bàn luận trong tp là gì?*  *+ Người viết đã nêu ý kiến gì về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tp?*  *+ Tìm lí lẽ và bằng chứng người viết sd để làm sáng tỏ ý kiến về đặc điểm của tp “quê nội”*  *+ Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm nd chính của vb nghị luận pt một tpvh*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chuẩn kt  **NV 2.2: Bài tập**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  GV cho hs làm việc cá nhân theo yc:  *+*[*Tưởng tượng em là một nhà phê bình, hãy viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 câu) nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước mà em đã đọc.*](https://vietjack.me/hay-viet-doan-van-neu-y-kien-cua-em-ve-mot-tac-pham-van-hoc-54105.html)  (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để hs báo cáo).***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc tpvh và viết đv ở nhà...  - Dự kiến sp:  Bài thơ “Đất nước” của Nguyễn Khoa Điềm là một bài thơ hay, thể hiện tình yêu quê hương, đất nước thắm thiết. Có thể nói đặc điểm hồn thơ Nguyễn Khoa Điềm có sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Bài thơ thể hiện cách nhìn mới mẻ, độc đáo về đất nước trên nhiều góc độ khác nhau: văn hóa, lịch sử, địa lí...Từ đó, làm nổi bật tư tưởng “Đất nước của nhân dân”. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa tới những phát hiện sâu và mới mẻ về đất nước. Nguyễn Khoa Điềm đã cho độc giả thấy được đất nước là linh hồn, là kết tụ trí tuệ, tinh thần, phẩm cách, công sức và truyền thống của cả dân tộc. Và từ đó, ta cũng thấy được nét độc đáo trong phong cách nghệ thuật thơ Nguyễn Khoa Điềm: Chất trí tuệ hoà quyện trong chất suy tư sâu lắng.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  1 - 2 hs đại diện trình bày. Hs khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét | | **II. Đọc cùng nhà phê bình**  **1. Đọc bài văn:**  *“Vẻ đẹp giản dị và chân thật của quê nội (Võ Quảng)”*  - Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm *Quê nội* :  + Nội dung của câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  + Vai trò của vai "tôi" trong tác phẩm.  - Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến về:  + Nội dung của tác phẩm: hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm, thế giới nhân vật.  + Nghệ thuật của tác phẩm: người kể chuyện, sức hấp dẫn của tác phẩm.  - Những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm *Quê nội*:  . Lí lẽ: Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  . Bằng chứng:  + Không gian: nông thôn miền Trung, tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn.  + Thời gian: Vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng - sau Cách mạng tháng Tám thành công.  + Nhân vật: Những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú nhóc hiếu động trong thôn, trong làng.  + Hoạt động: Vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị chống giặc giữ làng.  - Cách trình bày bằng chứng của người viết: lần lượt nêu ra các bằng chứng theo chủ đề nhất định: không gian, thời gian, nhân vật, hoạt động.  - Mục đích viết của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: Làm sáng tỏ một vấn đề về tác phẩm đó.  - Đặc điểm, nội dung chính của văn bản: Đưa ra các lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho ý kiến hoặc làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản là mối quan hệ hai chiều. Mục đích viết là cái để cho đặc điểm và nội dung chính của văn bản hướng đến; trong khi đặc điểm và nội dung chính của văn bản sẽ hiện thực hóa mục đích viết.  **2. Bài tập viết kết nối với đọc** |

**Tiết 132:**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**- Mục tiêu**:

+Hs phát triến kĩ năng đọc để biết và hiểu thêm về tp qua trò chuyện với tg, nv

+ Hs tìm đọc những tp, cuốn sách mới để mở rộng các chủ đề đã học, pt kĩ năng đọc sách, cách trò chuyện với tác giả để hiểu hơn về tp, cuốn sách

**- Nội dung:**

**+** Đọc bài thuật lại cuộc “phỏng vấn” rất thú vị của một độc giả nhỏ tuổi với nhà văn Nguyễn Quang Thiều - tác giả của truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi -*để có thể hiểu thêm về sự ra đời và cuộc sống của nhân vật do nhà văn sáng tạo trong tác phẩm

+ Chọn đọc một cuốn sách theo nd tự chọn, Hs đọc 1 tác phẩm vh, tìm 1 nv yêu thích và tưởng tượng cuộc trò chuyện cùng nv đó để tìm hiểu về nv ; thử hình dung, đặt ra những câu hỏi để làm rõ hơn điều em muốn biết cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách

**- Sản phẩm:** Câu trả lời trong phiếu ht của HS, bài viết, bài phỏng vấn của hs

- **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **ND (dự kiến sp)** |
| **NV 3: Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  ***(Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để hs báo cáo).***  GV cho hs làm việc cá nhân tưởng tượng cuộc gặp gỡ của mình với 1 nv em yêu thích trong 1 tp đã đọc và phỏng vấn về nv đó, chú ý :  + chọn cách xưng hô phù hợp  + có ít nhất 6 câu hỏi trong cuộc phỏng vấn  + Tham khảo các câu hỏi sau:   |  | | --- | | *. Bạn đến từ đâu?*  *. Vì sao và bằng cách nào bạn trở thành nhân vật trong tác phẩm này*  *. bạn có sở thích, tính cách hay đặc điểm gì nổi bật*  *. Để kể về cuộc đời mình, bạn muốn nói điều gì nhất?*  *. Ai hay điều gì khiến bạn quan tâm nhất?*  *. Nếu sống tiếp cuộc đời không chỉ trong trang sách, điều bạn muốn nhất sẽ làm là gì?* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS lv cá nhân ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  đại diện hs trình bày. hs khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chuẩn kt | **III. Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật** |

|  |  |
| --- | --- |
| **NV 4:**  **NV 4.1**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  GV chia lớp thành 4 nhóm, đọc vb “Mon và Mên đang ở đâu”, tl, th các yêu cầu sau:  *a. Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn – tác giả truyện ngắn Bầy chim chìa vôi?*  *b. Theo em, vì sao nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non”?*  *c. Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì điều gì?*  *d. Ngoài Mon và Mên, ai là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi?*  *e. Mon và Mên đang ở đâu? Bầy chim chìa vôi đã bay đi đâu?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét  **NV 4.2: Bài tập**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).***  GV chia lớp thành 4 nhóm  *+ mỗi nhóm họn đọc một cuốn sách đang gây sự chú ý, tò mò đối với em. Trong quá trình đọc, thử hình dung em có thể đặt ra những câu hỏi nào để làm rõ hơn điều em muốn biết cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét | **IV. Đọc và trò chuyện cùng tác giả**  **1. Bài thuật lại cuộc phỏng vấn của độc giả nhỏ tuổi với nhà văn**  **a.** Mon và Mên là bạn cùng lứa tuổi với nhà văn - tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi.*  **b.** Nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non” vì:  lũ chim non là điều bọn trẻ quan tâm nhất lúc đó  **c.** Cậu bé - người “phỏng vấn" tác giả - ngạc nhiên vì tác giả biết được trong đêm mưa, Mon và Mên đã lo nghĩ cho bầy chìa vôi. Cậu bé cho rằng tác giả đã ở cùng Mon và Mên trong đêm hôm đó, hỏi tại sao tác giả không đi cùng Mon, Mên và ngăn cản họ vì họ mới chỉ là trẻ con, cần phải có người lớn đi cùng.  **d.** Ngoài Mon và Mên, lũ trẻ trong làng (bao gồm cả tác giả lúc đó) là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi.  **e.**  - Mon và Mên vẫn ở trong kí ức của nhà văn và độc giả.  - Bầy chim chìa vôi đã bay đến nơi rất xa, nơi thiên nhiên không bị tàn phá, nơi mà chúng có thể sinh sống.  **2. Bài tập:** Chọn đọc một cuốn sách đang gây sự chú ý, tò mò đối với em. Trong quá trình đọc, thử hình dung em có thể đặt ra những câu hỏi nào để làm rõ hơn điều em muốn biết cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách.  **Kq:**  - Cuốn sách đang gây sự chú ý, tò mò của em là Tắt đèn của Ngô Tất Tố  - Trong quá trình đọc, em có thể đặt ra một số câu hỏi:  + Tại sao tác giả lại đặt tên cho nhân vật của mình là chị Dậu? Đây là ngụ ý của tác giả hay chỉ là đặt tên một cách ngẫu nhiên?  + Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm có gì đặc biệt? Nó có liên quan gì đến các chi tiết trong tác phẩm không?  + Ngoài việc tái hiện sự bất công của xã hội phong kiến lúc bấy giờ thì tác gỉa còn muốn làm nổi bật cái gì? |

**Tiết 133 , 134: VIẾT**

**THÁCH THỨC THỨ HAI: Ý TƯỞNG ĐẾN TỪ SẢM PHẨM**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC YÊU THÍCH**

**TRONG CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

- Biết cách phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

- HS tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc

- Biết lập dàn ý

- HS viết được bài một bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc

**b. Nội dung:**

- GV chia nhóm lớp.

- Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **ND (dự kiến sp)** |
| ***B1: Chuyển* giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  Đọc bài văn “*Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương”* và thực hiện các yc:  + Bài văn pt đặc điểm nhân vật nào, trong tp nào, cuốn sách nào, nv đó xh trong hc nào?  + Người viết đã pt nghệ thuật miêu tả nv đó là gì?  + Nhân vật đó có những đặc điểm gì dựa trên những bằng chứng trong tác phẩm?  + Ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát bài văn “*Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương* ”.  - Suy nghĩ cá nhân  - Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2 nhóm báo cáo tl  - Dự kiến sp:  **B4: Kết luận, nhận định**  - 2 nhóm hs khác nx, GV nhận xét câu trả lời của HS | **I. TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC YÊU THÍCH TRONG CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**  - Gới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có)  - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm  - nhận xét đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghẹ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật  - Nêu được ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề bài:** Hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  **NV 1: Thực hành các bước trước khi viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  Tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  ***PHIẾU TÌM Ý***  *Họ và tên HS: ………………………….Lớp*  ***Nhiệm vụ:*** *Tìm các ý chính cho bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc*   |  |  | | --- | --- | | *Nhân vật đó là nv nào, trong tp nào, cuốn sách nào, nv đó xh trong hc nào?* |  | | *Điều gì khiến em yêu thích và lựa chọn nhân vật này?* |  | | *Nhân vật đó có những đặc điểm gì dựa trên những bằng chứng trong tác phẩm ? Đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất của nhân vật?* |  | | *+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc?* |  | | *Ý nghĩa hình tượng của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm ? Em rút ra bài học gì từ nhân vật?* |  |   (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Suy nghĩ cá nhân  - Thảo luận nhóm, điền vào phiếu (làm ở nhà)  - Dự kiến sp:...  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2 nhóm báo cáo  **B4: Kết luận, nhận định**  - 2 nhóm hs khác nx, GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “Dàn ý của bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc”, ghi bảng  **NV 2: Viết bài**  *Đề bài*: Hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách em đã đọc  GV ghi đề lên bảng, nhắc lại ngắn gọn các yêu cầu về kiểu bài, nội dung.  HS ghi đề vào giấy/vở và làm bài.  Trong quá trình HS viết bài, GV quan sát, nhắc HS dành thời gian đọc lại và sửa lỗi trước khi nộp bài, khuyến khích những bài viết sáng tạo  Hs viết bài  **NV 3: Chỉnh sửa bài viết**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Gv cho hs làm vc nhóm nx một bài viết của nhóm khác dựa trên các tiêu chí đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm vc nhóm đọc và nx  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết dựa trên tiêu chí: | **II. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **1. Trước khi viết**  **Dàn ý:**  **- Mở bài:** giới thiệ nv, ấn tượng ban đầu về nv  **- Thân bài:**  + Bối cảnh, các mối quan hệ làm nổi bật dặc điểm nv  + những đặc điểm nổi bật của nv  + Nghệ thuật xây dựng nv  **- Kết bài:** bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu săc mà nv để lại  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |
| ***Bảng đánh giá theo tiêu chí bài cho bài viết:***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | **Tổng điểm** | **Mức độ** | | | | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | | **Bố cục** | 1 điểm | - Đủ 3 phần | - Có 2 phần (mở bài-thân bài, hoặc thân bài, kết bài) | - Chỉ có thân bài | | 1 điểm | 0,75 điểm | 0,5 điểm | | **Trình bày** | 0,5 điểm | - Rõ ràng sạch đẹp | - Tương đối sạch đẹp | - Gạch xóa nhiều, chữ viết không rõ ràng | | 0,5 điểm | 0,25 điểm | 0 | | **Sáng tạo** | 1 điểm | - Bài viết sáng tạo mới mẻ, độc đáo | - Bài viết có chỗ sáng tạo | - Không sáng tạo | | 1 điểm | 0,5 điểm | 0 | | **Nội dung** | 8,5 điểm | - Nội dung tiêu biểu, đầy đủ, chính xác  ( Chọn nv tiêu biểu, luận điểm rõ ràng dùng kĩ lẽ, dẫn chứng hợp lí, phân tích rõ ràng, hấp dẫn) | - Nội dung đủ, luận điểm rõ ràng nhưng phân tích chưa sâu, (dẫn chứng còn ít) | - Nội dung sơ sài, luận điểm chưa đầy đủ, dẫn chứng rất ít chưa làm nổi bật đặc điểm nhân vật, | | 8,5 điểm | 6,5 điểm | 4 điểm |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  a. GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  \* Ưu điểm về:  - Cách lựa chọn nv để pt  - Về kiểu bài: …..  - Về bố cục: ….  - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: …..  - Cách trình bày bài :….  \* Hạn chế:  - Cách lựa chọn nv để pt  - Về kiểu bài: …..  - Về bố cục: ….  - Cách diễn đạt: dùng từ, đặt câu: …..  - Cách trình bày bài :….  b. Gv yêu cầu hs đọc lại bài viết để tự kiểm tra dựa trên các gợi ý sau:  - Tên nhân vật, tên sách, tác giả, các chi tiết liên quan, , địa danh (nếu có) đã chính xác chưa?  - Có lỗi chính tả không?  - Cách dùng từ ngữ, đặt câu; cách tổ chức đoạn văn có thực sự phù hợp với nội dung cần trình bày không?  c. Đọc bài viết hay nhất của HS | |

**Tiết 135, 136: NÓI VÀ NGHE**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**a. Mục tiêu:** HSđược trải nghiệm, được thể hiện sự sáng tạo của mình qua các sản phẩm cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sắp xếp, trưng bày sản phẩm sáng tạo của cá nhân và các nhóm về tranh minh họa, bài giới thiệu pô-xtơ… hoặc trình bày bài nói về ý nghĩa td của việc đọc sách

**c. Sản phẩm học tập**

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau...

- Hoặc bài nói về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Gv chuyển giao nv: HĐ 1(trước khi nói)**  **Hs chọn 1 trong 2 hoạt động sau để trình bày với các bạn**  **-Hđ1:** Giới thiệu 1 sản phẩm sáng tạo từ sách (truyện tranh, pô-xtơ giới thiệu nv, các hình thức tóm tắt tp...)  **Hđ2:** Trình bày ý kiến về ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách.  (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm, tập luyện trong nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận (nói và nghe)**  - HS trưng bày sp và thuyết trình sp sáng tạo đc hoặc nói trước lớp về ý nghĩa, tác dụng của vc đọc sách  - HS nghe và chấm điểm theo tiêu chí | **1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung, phương tiện để trình bày**  **b. Tập luyện**  **2. Trình bày bài nói**  **3. Sau khi nói** |
| ***Bảng đánh giá theo tiêu chí bài nói cho hoạt động 2: Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** | | | | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | **Nội dung bài nói** | - Trình bày bố cục, các luận điểm rõ ràng |  |  |  | | - Dẫn chứng thực tế, sinh động, thuyết phục |  |  |  | | - Có liên hệ, mở rộng |  |  |  | | **Cách thể hiện** | - Nói mạnh dạn, tự tin |  |  |  | | - Nói to, rõ ràng |  |  |  | | - Có biểu cảm nét mặt, động tác, ngữ điệu phù hợp, biết dùng câu hỏi để kích thích sự tò mò vào những nd quan trọng |  |  |  | | **Sự tương tác** | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để điều chỉnh nội dung, cách nói |  |  |  |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)** | |

**C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Gv yc:**

- Sau khi trải qua các hđ đọc, viết, nói và nghe, các em hãy trang trí lại góc đọc sách, tủ sách của lớp, sắp xếp các sp theo chủ đề, trưng bày các sp làm đc vào tủ sách, giới thiệu với thầy cô và các bạn

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện các nhóm báo cáo

**B4: Kết luận, nhận định**

- nhóm hs khác nx, GV nhận xét

**D. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học và niềm đam mê với sách, hs tích cực tìm đọc sách để học hỏi, tăng thêm hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm

**b. Nội dung:** HS đọc thêm nhiều cuốn sách hay, bổ ích, phù hợp với lứa tuổi .

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được nội dung, kiến thức và bài học rút ra từ cuốn sách đã đọc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: GV yêu cầu HS: (làm ở nhà)

1. Tìm đọc thêm các cuốn sách có chủ đề về tuổi thơ, truyện ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, tình thầy trò, về các tri thức khoa học tự nhiên, xã hội…

2. Tự làm sản phẩm minh họa sách mà em yêu thích.

B2: HS thực hiện

B3:Hs bc với thầy cô vào tiết sau

B4:GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\* Dăn dò:**

- Chuẩn bị ôn tập và kt học kì II

-----------------------------------------